

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Mục lục

1. Giới thiệu chung	3
1.1 Đối tượng sử dụng tài liệu	3
1.2 Những tính năng cơ bản	3
1.2.1 Danh mục nhà cung cấp	3
1.2.2 Danh mục hợp đồng	3
1.2.3 Theo dõi số dư công nợ đầu kỳ	3
1.2.4 Theo dõi công nợ phát sinh trong kỳ	3
1.2.5 Quản lý công nợ	4
2. Danh mục	4
2.1 Danh mục nhà cung cấp	4
2.2 Danh mục chi phí	5
2.3 Danh mục thuế suất thuế GTGT	6
2.4 Danh mục thuế suất thuế nhập khẩu	8
2.5 Danh mục thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt	9
2.6 Danh mục hợp đồng	10
2.7 Danh mục nhóm hợp đồng	11
3. Vào số dư đầu kỳ	12
3.1 Vào đầu kỳ công nợ hóa đơn	12
3.2 Vào số dư đầu kỳ hợp đồng	13
3.3 Vào đầu kỳ công nợ nhà cung cấp	14
4. Chứng từ	15
4.1 Hóa đơn mua hàng trong nước	15
4.2 Hóa đơn mua hàng nhập khẩu	20
4.3 Hóa đơn mua dịch vụ	23
4.4 Hóa đơn nhập mua xuất thẳng	25
4.5 Phiếu nhập chi phí mua hàng	26
4.6 Phiếu thanh toán tạm ứng	30

4.7	Chứng từ phải trả khác, chứng từ bù trừ công nợ	31
4.8	Bút toán điều chỉnh giảm công nợ.....	33
4.9	Phiếu nhập điều chỉnh giá hàng mua	33
4.10	Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp.....	35
4.11	Hóa đơn dịch vụ trả lại nhà cung cấp	39
4.12	Phân bổ trả tiền hàng cho các hóa đơn.....	40
4.13	Tất toán hóa đơn	42
5.	Báo cáo.....	43
5.1	Sổ chi tiết công nợ nhà cung cấp	43
5.2	Bảng cân đối phát sinh công nợ.....	45
5.3	Báo cáo số dư công nợ.....	46
5.4	Sổ tổng hợp chữ T theo nhà cung cấp.....	48
5.5	Sổ đối chiếu công nợ.....	49
5.6	Bảng xác nhận công nợ.....	50
5.7	Báo cáo công nợ nhiều khách hàng	50
5.8	Bảng kê chứng từ theo hợp đồng.....	50
5.9	Sổ chi tiết theo hợp đồng	52
5.10	Bảng cân đối phát sinh công nợ theo hợp đồng	53
5.11	Báo cáo số dư hợp đồng	54
5.12	Báo cáo công nợ theo hóa đơn	55
5.13	Bảng kê chi tiết trả tiền theo hóa đơn.....	57

1. Giới thiệu chung

1.1 Đối tượng sử dụng tài liệu

Tài liệu này được xây dựng để hỗ trợ người dùng nắm được cách thức sử dụng chương trình, qua đó có thể thực hiện tốt các công việc được giao liên quan đến kế toán công nợ phải trả..

1.2 Những tính năng cơ bản

1.2.1 Danh mục nhà cung cấp

Không giới hạn số lượng nhà cung cấp được quản lý.

Lưu trữ các thông tin của nhà cung cấp như: địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại, số fax, hạn thanh toán...

Cho phép phân nhóm nhà cung cấp theo những tiêu chí khác nhau: theo vùng địa lý, theo loại hình doanh nghiệp, theo quy mô doanh nghiệp.

1.2.2 Danh mục hợp đồng

Cho phép khai báo hợp đồng để theo dõi công nợ phải trả theo từng hợp đồng.

Không giới hạn số lượng hợp đồng cần quản lý.

Cho phép khai báo chi tiết những thông tin có liên quan đến hợp đồng như: thời gian bắt đầu, kết thúc hợp đồng, giá trị hợp đồng, nhà cung cấp có liên quan đến hợp đồng...

Cho phép phân nhóm hợp đồng theo những tiêu chí khác nhau: theo thời hạn hợp đồng, theo giá trị hợp đồng...

1.2.3 Theo dõi số dư công nợ đầu kỳ

Chương trình cho phép theo dõi số dư công nợ đầu kỳ của các nhà cung cấp, của từng hóa đơn, hợp đồng.

1.2.4 Theo dõi công nợ phát sinh trong kỳ

Chương trình cho phép theo dõi và quản lý đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp trong kỳ, bao gồm các màn hình nhập liệu chuyên trách sau:

- ✓ Hoá đơn mua hàng trong nước;
- ✓ Hoá đơn mua hàng nhập khẩu;
- ✓ Hóa đơn mua hàng dịch vụ;
- ✓ Hóa đơn nhập mua – xuất thẳng
- ✓ Phiếu nhập chi phí mua hàng;
- ✓ Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp;
- ✓ Phiếu nhập điều chỉnh giá hàng mua;
- ✓ Phiếu thanh toán tạm ứng;

Công nợ phải trả

- ✓ Chứng từ bù trừ công nợ;
- ✓ Bút toán điều chỉnh giảm công nợ.

1.2.5 Quản lý công nợ

Ngoài việc theo dõi công nợ theo nhà cung cấp, chương trình còn cho phép theo dõi công nợ theo:

- ✓ Công nợ theo từng hóa đơn
- ✓ Công nợ theo từng hợp đồng
- ✓ Công nợ theo từng vụ việc/công trình.
- ✓ Công nợ theo tuổi nợ (hạn thanh toán).







Cho phép bù trừ công nợ giữa khách hàng- nhà cung cấp hoặc giữa các nhà cung cấp với nhau.

2. Danh mục

2.1 Danh mục nhà cung cấp

Đường dẫn: Danh mục/Danh mục khách hàng, nhà cung cấp

Dùng để khai báo các nhà cung cấp mới phát sinh hoặc chỉnh sửa lại thông tin của các nhà cung cấp đã có trong phần mềm.

Mã khách hàng	80000002	Khách hàng	<input type="checkbox"/>	Nhà cung cấp	<input checked="" type="checkbox"/>
Tên khách hàng	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang				
Tên khác					
Địa chỉ	Hồ Chí Minh				
Mã số thuế	3600807993	Người liên hệ	Anh Minh		
Nhân viên bán hàng	CHAUDA 	Đỗ An Châu			
Mã thanh toán	15 	Trả trong vòng 15 ngày			
Giới hạn tiền nợ	123				
Nhóm 1	MN 	Miền Nam			
Nhóm 2	HCM 	Hồ Chí Minh			
Nhóm 3					
Khu vực	DNB 	Đông Nam Bộ			
Điện thoại		Fax			
Thư		Trang chủ			
Ghi chú					
Trạng thái	1 - Còn sử dụng				

Giải thích các trường thông tin chính

- **Mã khách hàng**
Khai báo mã của đối tượng nhà cung cấp, tối đa 32 ký tự.
- **Tên khách hàng/ Tên khác**
Khai báo tên tiếng Việt và tên tiếng Anh của nhà cung cấp.
- **Tùy chọn Khách hàng/Nhà cung cấp**
Thông tin phụ, xác định đối tượng là khách hàng hay nhà cung cấp, có thể check chọn cả 2.
- **Địa chỉ/Người liên hệ**
Địa chỉ liên hệ của nhà cung cấp và người liên hệ phía nhà cung cấp. Các trường này được nhập tự do và là thông tin thêm, dùng để in trong các chứng từ có liên quan nếu doanh nghiệp có in chứng từ trên máy.
- **Mã số thuế**
Mã số thuế của nhà cung cấp
- **Mã thanh toán**
Mã thanh toán ngầm định khi mua hàng của nhà cung cấp này, lấy từ Danh mục thanh toán, trên chứng từ có thể chọn lại mã thanh toán này.
- **Nhóm khách 1/2/3**
Nhóm phân loại theo tính chất 1/2/3 dùng để lọc dữ liệu báo cáo hoặc thực hiện các báo cáo phân loại nhà cung cấp. Giá trị các trường này được lấy từ các mã nhóm có loại nhóm là 1/2/3 trong danh mục phân nhóm.
- **Điện thoại/Fax/Thư/Trang chủ**
Điện thoại/Fax/Thư/Trang chủ là thông tin của nhà cung cấp.
- **Trạng thái**
Có 2 tùy chọn, nếu chọn Không còn sử dụng thì trên chứng từ sẽ không nhập liệu được mã đối tượng này, dùng không trường hợp không còn giao dịch với nhà cung cấp đó nữa.

2.2 Danh mục chi phí

Đường dẫn: Danh mục/Kế toán/Danh mục chi phí

Dùng để khai báo các đầu mục chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng.

Mã chi phí	<input type="text" value="BD"/>
Tên chi phí	<input type="text" value="Chi phí bốc dỡ"/>
Tên khác	<input type="text"/>
Loại chi phí	<input type="text"/>
Tiêu thức phân bổ	<input type="text" value="1 - Số lượng"/>
Chứng từ	<input type="text" value=""/>
Trạng thái	<input type="text" value="1 - Còn sử dụng"/>

Giải thích các trường thông tin

- **Mã chi phí**
Mã chi phí để quản lý theo mã.
- **Tên chi phí**
Nội dung chi phí.
- **Tên khác**
Giải thích nội dung bằng tiếng Anh của mã phí.
- **Loại chi phí**
Dùng để phân loại chi phí.
- **Tiêu thức phân bổ**
Chương trình cho phép phân bổ chi phí vào giá mua của các mặt hàng theo 1 trong 4 tiêu thức sau: 1 - Số lượng, 2 - Thể tích, 3 - Khối lượng, 4 – Giá trị.
- **Mã chứng từ**
Lấy từ Danh mục chứng từ trong phần mềm.
Mã chứng từ chỉ nhằm giới hạn phạm vi sử dụng mã phí trong các chứng từ nên không bắt buộc phải khai báo. Nếu không khai báo, mã phí này có thể được sử dụng trong tất cả chứng từ (khi duyệt tìm trong danh mục mã phí). Nếu khai báo một mã chứng từ trong Danh mục, mã phí này chỉ được sử dụng trong chứng từ đó.
- **Trạng thái**
Trạng thái sử dụng của mã phí này, chọn 1 trong 2 trạng thái: 1 – Còn sử dụng, 0 – Không còn sử dụng.

2.3 Danh mục thuế suất thuế GTGT

Đường dẫn: Danh mục/Kế toán/Danh mục thuế suất thuế GTGT

Dùng để khai báo các mức thuế suất thuế GTGT.

Danh mục thuế		
Mã thuế	05	
Tên thuế	Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%	
Tên khác	Goods, Services with VAT 5%	
Thuế suất	5	
Nhóm thuế	03	3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
Tk thuế đầu ra	333111	Thuế GTGT phải nộp hàng trong nước: HD SXKD
Tk thuế đầu ra được giảm	333131	Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán: HD SXKD
Tk thuế đầu vào	133111	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HD SXKD
Tk thuế đầu vào được giảm	133131	Thuế GTGT trả lại nhà c.cấp, giảm giá hàng mua: HD SXKD
Stt	3	
Trạng thái	1 - Còn sử dụng	

Sửa Nhập liệu Xóa Hủy

Giải thích các trường thông tin

- Mã thuế**
 Mã của loại thuế suất. Mã này là duy nhất trong danh mục, không được để trống, không được trùng nhau và không được lồng nhau.
- Tên thuế/Tên khác**
 Tên và tên tiếng Anh của loại thuế suất. Tên thuế không được để trống.
- Thuế suất %**
 Thuế suất
- Nhóm thuế**
 Nhóm thuế tương ứng trên bảng kê thuế.
- Tk thuế GTGT đầu ra**
 Tài khoản thuế GTGT đầu ra được dùng trong trường hợp xuất các chứng từ bán hàng hóa, dịch vụ. Tài khoản này được chọn từ "Danh mục tài khoản".
- Tk thuế GTGT đr đ.giảm**
 Tài khoản thuế GTGT đầu ra được giảm trừ được dùng trong các trường hợp nhập các chứng từ hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Tài khoản này được chọn từ "Danh mục tài khoản".
- Tk thuế GTGT đầu vào**
 Tài khoản thuế GTGT đầu vào được dùng trong trường hợp nhập các chứng từ mua hàng hoá, dịch vụ. Tài khoản này được chọn từ "Danh mục tài khoản".
- Tk thuế đầu vào được giảm**

Tài khoản thuế GTGT đầu vào được giảm trừ được dùng trong các trường hợp nhập các chứng từ xuất trả nhà cung cấp. Tài khoản này được chọn từ "Danh mục tài khoản".

- **Stt sắp xếp**

Số thứ tự sắp xếp của mã thuế khi lên báo cáo thuế.

- **Trạng thái**

Ngầm định chương trình để ở trạng thái 1. Nếu chọn trạng thái 0 thì thuế suất này chỉ hiện lên khi cập nhật danh mục và khi lên báo cáo, không hiện lên khi nhập số liệu. Trường "Trạng thái" chỉ nhận giá trị "1" hoặc "0".

2.4 Danh mục thuế suất thuế nhập khẩu

Đường dẫn: Danh mục/Kế toán/Danh mục thuế suất thuế nhập khẩu

Dùng để khai báo các mức thuế suất của thuế nhập khẩu

Danh mục thuế nhập khẩu			
Mã thuế	100		
Tên thuế	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế nhập khẩu 100%		
Tên khác			
Thuế suất	100		
Tk thuế	333121	Thuế GTGT phải nộp hàng nhập khẩu: HĐ SXKD	
Trạng thái	1 - Còn sử dụng		
		Sửa	Nhập liệu
		Xóa	Hủy

Giải thích các trường thông tin

- **Mã thuế**

Mã của loại thuế suất. Mã này là duy nhất trong danh mục, không được để trống, không được trùng nhau và không được lồng nhau.

- **Tên thuế**

Nội dung thuế.

- **Tên khác**

Tên Giải thích bằng tiếng Anh.

- **Thuế suất %**

Thuế suất thuế nhập khẩu

- **Tài khoản thuế (Tk thuế)**

Tài khoản hạch toán của mã thuế này, lấy từ Hệ thống tài khoản. Tài khoản thuế được hạch toán trong Hóa đơn mua nhập khẩu.

- **Trạng thái**

Trạng thái sử dụng của mã thuế này, chọn 01 trong 02 trạng thái: 1 – Còn sử dụng, 0 – Không còn sử dụng.

2.5 Danh mục thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt

Đường dẫn: Danh mục/Kế toán/Danh mục thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt

Dùng để khai báo các mức thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt.

Danh mục thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt				
Mã thuế	100			
Tên thuế	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB 100%			
Tên khác				
Thuế suất	100			
Tk thuế	3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
Trạng thái	1 - Còn sử dụng			
		Sửa	Nhập liệu	Xóa Hủy

Giải thích các trường thông tin

- **Mã thuế**

Mã của loại thuế suất. Mã này là duy nhất trong danh mục, không được để trống, không được trùng nhau và không được lồng nhau.

- **Tên thuế**

Nội dung thuế

- **Tên khác**

Tên Giải thích bằng tiếng Anh của mã thuế.

- **Thuế suất %**

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt

- **Tài khoản thuế (Tk thuế)**

Tài khoản hạch toán của mã thuế này, lấy từ Hệ thống tài khoản. Tài khoản thuế được hạch toán tự động trong phiếu nhập hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt.

- **Trạng thái**

Trạng thái sử dụng của mã thuế này, chọn 1 trong 2 trạng thái: 1 – Còn sử dụng, 0 – Không còn sử dụng.

2.6 Danh mục hợp đồng

Đường dẫn: Danh mục/Kế toán/Danh mục hợp đồng

Dùng để khai báo các thông tin của hợp đồng, để quản lý công nợ theo từng hợp đồng.

Danh mục hợp đồng			
Mã hợp đồng	HDB16010001		
Tên hợp đồng	Hợp đồng cung cấp hàng hóa - công ty XNK Vạn An		
Tên khác			
Số hợp đồng	HDND1010101		
Ngày ký	10/01/2016		
Ngày bắt đầu	01/03/2016	Ngày kết thúc	31/03/2017
Tiền nt	500 000 000.00	Tiền hạch toán	0
Nhóm hợp đồng 1			
Nhóm hợp đồng 2			
Nhóm hợp đồng 3			
Bộ phận			
Khách hàng			
Trạng thái	1 - Còn sử dụng		

Giải thích các trường thông tin

- **Hợp đồng**
Mã hợp đồng để quản lý trong phần mềm. Mã hợp đồng này có thể đặt giống với số hợp đồng.
- **Tên hợp đồng/ Tên khác**
Nội dung hợp đồng bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- **Số hợp đồng**
Số hợp đồng ký kết.
- **Ngày ký**
Ngày ký kết hợp đồng
- **Ngày bắt đầu/ Ngày kết thúc**
Thời gian hiệu lực của hợp đồng.
- **Tiền ngoại tệ/ tiền hạch toán**
Giá trị hợp đồng ngoại tệ và giá trị hợp đồng VND.

- **Nhóm hợp đồng 1/ 2/ 3**
Dùng để quản lý hợp đồng theo nhóm.
- **Bộ phận**
Bộ phận thực hiện và sử dụng hợp đồng này. Trường này được lấy từ danh mục bộ phận.
- **Khách hàng**
Tên nhà cung cấp có liên quan đến hợp đồng.
- **Trạng thái**
Trạng thái sử dụng của hợp đồng này, chọn 1 trong 2 trạng thái: 1 – Còn sử dụng, 0 – Không còn sử dụng.

2.7 Danh mục nhóm hợp đồng

Đường dẫn: Danh mục/Kế toán/Danh mục nhóm hợp đồng

Dùng để khai báo các nhóm hợp đồng, để quản lý hợp đồng theo từng nhóm.

Danh mục phân nhóm (Lọc)		<input type="checkbox"/>	×
Loại nhóm	HD1	<input type="text" value="Nhóm hợp đồng 1"/>	
		<input type="button" value="Nhận"/>	<input type="button" value="Hủy"/>

Danh mục phân nhóm		<i>i</i>	<input type="checkbox"/>	×	
Mã nhóm	NONGSAN				
Tên phân nhóm	Hợp đồng mua bán nông sản				
Tên 2					
Trạng thái	1 - Còn sử dụng				
		<input type="button" value="Sửa"/>	<input type="button" value="Nhập liệu"/>	<input type="button" value="Xóa"/>	<input type="button" value="Hủy"/>

Giải thích các trường thông tin

- **Loại nhóm**
Chương trình cho phép phân loại các mã hợp đồng thành 3 loại nhóm lớn. Một loại nhóm tương trưng cho một số nhóm có tính chất phân loại giống nhau. Ví dụ, có thể dùng loại nhóm 1 để phân thành loại hàng hóa của hợp đồng: hợp đồng hàng nông sản, hợp đồng hàng thủy sản...
- **Mã nhóm**
Mã nhóm hợp đồng
- **Tên phân nhóm/ tên 2**

Tên phân nhóm tiếng Việt và tiếng Anh.

- **Trạng thái**

Có 2 trạng thái: 1- Còn sử dụng, 0- Không còn sử dụng.

3. Vào sổ dư đầu kỳ

Dùng để khai báo các sổ dư đầu kỳ liên quan đến *Công nợ phải trả* lúc bắt đầu sử dụng phần mềm.

3.1 Vào đầu kỳ công nợ hóa đơn

Đường dẫn: CN Phải trả/Đầu kỳ/Vào đầu kỳ công nợ hóa đơn

Vào đầu kỳ công nợ hóa đơn được cập nhật khi có theo dõi công nợ theo từng hóa đơn. Người sử dụng chỉ phải cập nhật số đầu kỳ hóa đơn 1 lần khi bắt đầu sử dụng chương trình. Đối với các kỳ tiếp theo trong năm và của cả các năm sau số dư công nợ theo hóa đơn sẽ tự động chuyển sang.

Mới						
Mã khách hàng	80000004	Công Ty Cấp Nước Nam Định	Đơn vị	Chi nhánh 1		
Người nhận			Quyển/Số	000057		
Tài khoản có	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	Ngày chứng từ	15/12/2016		
Mã thanh toán			Ký hiệu	AP		
Diễn giải	Hóa đơn tiền nước tháng 12/2016			Tỷ giá	VND	1.0000
Mã nhân viên	HANPTN	Phan Thị Ngọc Hân	Trạng thái	Chưa tất toán		
Ph/th thanh toán						
Địa chỉ						
Tiền thanh toán						
Tiền hóa đơn	5 000 000					
Đã thanh toán	0					
Tổng thanh toán	5 000 000					
<input checked="" type="button" value="Nhận"/> <input type="button" value="Hủy"/>						

Giải thích các trường thông tin

- **Mã khách**

Mã của nhà cung cấp.

- **Tài khoản công nợ**

Tài khoản dùng để theo dõi công nợ của nhà cung cấp.

- **Mã thanh toán**

Hạn thanh toán của hóa đơn.

- **Diễn giải**
Nội dung của hóa đơn.
- **Mã nhân viên**
Mã nhân viên phụ trách.
- **Ph/th thanh toán**
Phương thức thanh toán.
- **Quyển/ số**
Số hóa đơn.
- **Ngày chứng từ**
Ngày của hóa đơn.
- **Mã ngoại tệ**
Mã của loại tiền tệ trên hóa đơn công nợ đầu kỳ.
- **Tổng tiền ngoại tệ**
Số tiền nợ theo đồng tiền ngoại tệ.
- **Tỷ giá**
Tỷ giá ghi sổ của ngoại tệ tại thời điểm doanh nghiệp nợ nhà cung cấp.
- **Tiền hóa đơn**
Tổng tiền trên hóa đơn.
- **Đã thanh toán**
Số tiền đã thanh toán cho hóa đơn.
- **Tổng thanh toán**
Số tiền còn phải thanh toán.

3.2 Vào sổ dư đầu kỳ hợp đồng

Đường dẫn: CN Phải trả/Đầu kỳ/Vào đầu kỳ công nợ hóa đơn

Vào sổ dư đầu kỳ hợp đồng được cập nhật khi có theo dõi công nợ theo hợp đồng. Người sử dụng chỉ phải cập nhật số đầu kỳ hợp đồng 1 lần khi bắt đầu sử dụng chương trình. Đối với các kỳ tiếp theo trong năm và của cả các năm sau số dư công nợ theo hợp đồng sẽ tự động chuyển sang.

Sửa			
Tài khoản	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	
Hợp đồng	HDB16010001	Hợp đồng cung cấp hàng hóa - công ty XNK Vạn An	
Dư nợ	0		
Dư có	300 000 000		
Dư nợ nt	0.00		
Dư có nt	0.00		

Giải thích các trường thông tin

- **Tài khoản**
Tài khoản hạch toán.
- **Hợp đồng**
Mã hợp đồng vào sổ dư
- **Dư nợ**
Số tiền dư nợ đầu kỳ.
- **Dư có**
Số tiền dư có đầu kỳ.
- **Dư nợ ngoại tệ**
Số tiền ngoại tệ dư nợ đầu kỳ.
- **Dư có ngoại tệ**
Số tiền ngoại tệ dư có đầu kỳ.

3.3 Vào đầu kỳ công nợ nhà cung cấp

Đường dẫn: CN Phải trả/Đầu kỳ/Vào đầu kỳ công nợ đầu kỳ

Dùng để vào sổ dư công nợ đầu kỳ theo tài khoản – nhà cung cấp. Người sử dụng chỉ phải cập nhật số đầu kỳ nhà cung cấp 1 lần khi bắt đầu sử dụng chương trình. Đối với các kỳ tiếp theo trong năm và của cả các năm sau số dư công nợ theo khách hàng sẽ tự động chuyển sang.

Cập nhật công nợ □ ×

Tài khoản	331111	🔍	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)
Mã khách hàng	80000007	🔍	CTY TNHH Đầu Tư & Thương Mại Việt Hùng
	Đầu kỳ		Đầu năm
Dư nợ	0		0
Dư có	100 000 000		100 000 000
Dư nợ nt	0.00		0
Dư có nt	0.00		0

✔ Nhận Hủy

Giải thích các trường thông tin

- **Tài khoản**

Tài khoản hạch toán.

- **Mã khách**

Mã nhà cung cấp

- **Đầu kỳ/ Đầu năm**

Số dư đầu kỳ là số dư của kỳ lúc bắt đầu sử dụng phần mềm, số dư đầu năm là số dư đầu năm tài chính của năm bắt đầu sử dụng phần mềm. Ví dụ nếu ngày bắt đầu năm tài chính là 01/01, ngày bắt đầu sử dụng phần mềm là 01/04/2017 thì số dư đầu kỳ là số dư tại ngày 01/04/2017, số dư đầu năm là số dư tại ngày 01/01/2017.

- **Dư nợ**

Số tiền dư nợ đầu kỳ/ đầu năm.

- **Dư có**

Số tiền dư có đầu kỳ/ đầu năm.

- **Dư nợ ngoại tệ**

Số tiền ngoại tệ dư nợ đầu kỳ/ đầu năm.

- **Dư có ngoại tệ**

Số tiền ngoại tệ dư có đầu kỳ/ đầu năm.

4. Chứng từ

4.1 Hóa đơn mua hàng trong nước

Đường dẫn: CN Phải trả/Hóa đơn mua hàng trong nước

Dùng để nhập mua vật tư, hàng hóa trong nước.

Hóa đơn mua hàng trong nước

Loại hóa đơn	3. Hóa đơn kiêm phiếu nhập	Đơn vị	Chi nhánh 2
Mã NCC	80000005 TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II	Quyển/Số	MHTN MHTN.08.17/0001
Người nhận		Ngày chứng từ	28/08/2017
Tài khoản có	331111 Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	Ngoại tệ	VND 1.0000
Số hóa đơn	Ngày hóa đơn / /	Trạng thái	Chuyển vào SC
Ký hiệu			
Diễn giải			

Chi tiết Chi phí Chi phí chi tiết Thuế Khác Tổng cộng

	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Mã kho	Mã lô	Mã vị trí	Số lượng
1	10000001	Chai PET 330ml(22gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	CN2			1 000
2	10000002	Chai PET 330ml(25gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	CN2			2 000

Tổng số lượng **3 000.00** **Tổng thanh toán** **18 100 000**

Giải thích các trường ở Thông tin chung

- Loại hóa đơn**

Gồm có: 1- Hóa đơn và 3- Hóa đơn kiêm phiếu nhập. Loại 1- Hóa đơn được sử dụng khi hóa đơn mua hàng của kế toán và chứng từ nhập kho của bộ phận kho là khác nhau, nếu chọn loại 1 thì chương trình chỉ nhập kho vào sổ sách kế toán. Loại 3-Hóa đơn kiêm phiếu nhập được sử dụng khi hóa đơn mua hàng của kế toán cũng chính là chứng từ nhập kho của bộ phận kho, nếu chọn loại 3 chương trình sẽ ghi nhận nhập kho cả hệ thống tồn kho theo sổ sách kế toán và tồn kho thực tế của bộ phận kho.

- Mã NCC**

Là mã nhà cung cấp mà công ty mua hàng. Mã này được chọn từ Danh mục khách hàng, nhà cung cấp.

- Người nhận**

Là người nhận hàng hoá.

- Tài khoản có**

Là tài khoản định khoản Có. Thông thường tài khoản này là tài khoản 331 (nếu treo qua công nợ) hoặc là 111, 112 (nếu thanh toán ngay).

- Số hoá đơn/Số seri/ Ngày hóa đơn**

Là thông tin của hóa đơn GTGT mà nhà cung cấp xuất. Các thông tin này được dùng để kê khai thuế GTGT đầu vào hoặc để theo dõi công nợ theo từng số hóa đơn GTGT.

- **Diễn giải**

Là nội dung nhập mua, dạng text, do người dùng tự gõ.

- **Số chứng từ**

Là số chứng từ nội bộ để in phiếu và ghi nhận vào sổ sách kế toán. Số này có thể tự gõ tay hoặc chương trình tự đánh số theo số tự nhiên hoặc đánh theo nguyên tắc đã khai báo ở Danh mục quyền chứng từ (xem tài liệu hướng dẫn cách khai báo quyền chứng từ ở phân hệ Hệ thống).

- **Ngày chứng từ**

Ngày hạch toán vào sổ sách.

- **Ngoại tệ**

Là mã ngoại tệ phát sinh và tỷ giá quy đổi về đồng tiền hạch toán (VND).

- **Trạng thái**

Là các trạng thái của hóa đơn, bao gồm các trạng thái sau:

- ✓ Lập chứng từ: trạng thái này chương trình chưa ghi nhận vào sổ sách
- ✓ Chờ duyệt: dùng trong trường hợp đơn vị có áp dụng chức năng duyệt phiếu. Những phiếu lưu ở trạng thái này sẽ được load lên ở màn hình duyệt của người duyệt (Tổng hợp/Xử lý giao dịch chờ duyệt). Trạng thái này cũng chưa ghi nhận vào sổ sách.
- ✓ Chuyển vào sổ cái: trạng thái này đã ghi nhận vào sổ sách kế toán.

Giải thích các trường ở tab Chi tiết

- **Mã sản phẩm/ tên sản phẩm**

Là mã hàng và tên hàng hóa được mua. Mã hàng được lấy từ Danh mục vật tư, sản phẩm.

- **Đvt**

Là đơn vị tính của mặt hàng nhập mua, được lấy từ Danh mục đơn vị tính.

- **Mã kho**

Là mã kho nhập, được lấy từ Danh mục kho.

- **Mã lô**

Là mã số lô (Lot) của hàng hóa. Mã lô được sử dụng trong trường hợp vật tư, hàng hóa có theo dõi theo lô. Mã lô được lấy từ Danh mục lô.

- **Mã vị trí**

Là vị trí nhập hàng trong kho. Mã vị trí được sử dụng trong trường hợp kho hàng có chia thành nhiều vị trí trong kho và muốn theo dõi tồn kho ở từng vị trí. Mã vị trí được lấy từ Danh mục vị trí.

- **Số lượng**

Là số lượng nhập mua.

- **Giá**

Đơn giá mua của hàng hóa.

- **Tiền hàng**

Tiền hàng = số lượng * đơn giá.

- **Chi phí**

Là chi phí phát sinh thêm khi mua hàng và chi phí này được tính vào giá trị hàng nhập kho. Chi phí này là chi phí phân bổ cho từng mặt hàng dựa vào số tiền chi phí nhập ở tab *Chi phí*.

- **Thuế GTGT**

Là tiền thuế GTGT phân bổ xuống cho từng mặt hàng. Tiền thuế này được nhập ở tab *Thuế*.

- **Tài khoản nợ**

Là tài khoản định khoản Nợ. Thông thường, tài khoản này là tài khoản vật tư được khai báo trước trong danh mục vật tư hàng hóa. Tuy nhiên, cũng có thể sửa lại trên chứng từ.

- **Bộ phận/ Vụ việc/ Hợp đồng/ Khế ước/ Phí**

Các đối tượng để theo dõi thêm, ví dụ nếu có theo dõi công nợ theo Hợp đồng thì sẽ nhập mã hợp đồng vào trường *Hợp đồng*...

Giải thích các trường ở tab *Chi phí*

Tab *Chi phí* được dùng để nhập chi phí phát sinh trong quá trình mua hàng. Chi phí này được phân bổ vào giá trị nhập kho của các mặt hàng.

	Mã chi phí	Tên chi phí	Tiền VND	Tiêu thức phân bổ
1	BD	Chi phí bốc dỡ	400 000	1 - Số lượng
2	BH	Chi phí bảo hiểm	500 000	4 - Giá trị

- **Mã chi phí/Tên chi phí**

Mã và tên của chi phí phát sinh, được lấy từ Danh mục chi phí.

- **Tiền**

Tiền chi phí phát sinh.

- **Tiêu thức phân bổ**

Chi phí sẽ được phân bổ cho từng mặt hàng ở tab *Chi tiết* dựa vào tiêu thức phân bổ của chi phí. Tiêu thức phân bổ của từng chi phí được khai báo trong Danh mục chi phí.

Kết quả phân bổ chi phí cho từng mặt hàng sẽ được thể hiện ở tab *Chi phí chi tiết*, trường hợp muốn điều chỉnh lại kết quả phân bổ thì điều chỉnh ở tab này:

	Mã chi phí	Mã sản phẩm	Tiền VND	Dòng chi tiết
1	BD	10000000	228 570	1
2	BD	10000000	57 150	2
3	BD	10000001	114 280	3
4	BH	10000000	204 082	1
5	BH	10000000	51 020	2
6	BH	10000001	244 898	3

Lưu ý: Tab *Chi phí* được nhập trong trường hợp nhà cung cấp chi phí và nhà cung cấp hàng hóa là một. Trường hợp chi phí phát sinh là của nhà cung cấp khác với nhà cung cấp hàng hóa thì chi phí sẽ được nhập riêng ở chứng từ Phiếu nhập chi phí mua hàng.

Giải thích các trường ở tab Thuế

	Mã thuế	Thuế suất	Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày hóa đơn	Mẫu hóa...	Mẫu báo cáo	Mã tính chất	Mã ncc	Tên nhà cung
1	10	10	0007		27/08/2017		3. Hóa đơn giá	1. Hàng hoá, dịch	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa C

- **Mã thuế, thuế suất**

Là thuế suất thuế GTGT. Mã thuế và thuế suất được lấy từ Danh mục thuế suất thuế GTGT

- **Số hóa đơn/ Số seri/ Ngày hoá đơn**

Các thông tin của hóa đơn đầu vào.

- **Mẫu bc**

Dùng để lọc khi lên các báo cáo thuế ở phân hệ báo cáo thuế.

Bao gồm các loại sau:

- 3- Hoá đơn giá trị gia tăng (ngầm định);
- 4- Hàng hoá, dịch vụ mua vào không có hoá đơn;
- 5- Hoá đơn bán hàng thông thường.

- **Mã tính chất**

Là tính chất thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào theo qui định, dùng để phân loại khi lên báo cáo "Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

Bao gồm các tính chất sau:

- 1- Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT, đã phát sinh doanh thu (ngầm định);
- 2- Hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không đủ điều kiện khấu trừ thuế.

3- Hàng hóa dịch vụ dùng chung cho dự án đầu tư đủ điều kiện khấu trừ thuế

- **Mã nhà cung cấp/ Tên nhà cung cấp/Mã số thuế/Tên hàng hóa – dịch vụ**
Các thông tin của nhà cung cấp và loại hàng hóa của hóa đơn.
- **Tiền hàng**
Là tiền hàng chưa bao gồm thuế trên hóa đơn.
- **Tài khoản thuế**
Là tài khoản hạch toán thuế GTGT (133).
- **Thuế**
Là tiền thuế GTGT
- **Cục thuế**
Là cơ quan thuế Nhà nước, nơi doanh nghiệp đăng ký kê khai thuế.
- **Ghi chú**
Là phần ghi chú thêm.
- **Mã bộ phận, mã vụ việc...**
Là các đối tượng theo dõi thêm.

Giải thích các trường ở tab Khác

Mã thanh toán	10	Trả trong vòng 10 ngày
Giao dịch	Hóa đơn	

Mã thanh toán là hạn thanh toán của hóa đơn. Nếu trong *Danh mục khách hàng, nhà cung cấp* có khai mã thanh toán thì khi chọn mã khách đó chương trình sẽ tự động mặc định số ngày đã khai báo, cho phép sửa lại.

Giải thích các trường ở tab Tổng cộng

Tab Tổng cộng dùng để hiển thị tổng của các trường liên quan đến tiền

Chi phí	0
Tổng tiền hàng	17 000 000
Tổng thuế	1 700 000

4.2 Hóa đơn mua hàng nhập khẩu

Đường dẫn: CN Phải trả/Hóa đơn mua hàng nhập khẩu

Dùng để nhập mua vật tư, hàng hóa trong trường hợp nhập khẩu

Hóa đơn mua hàng nhập khẩu
< > i □ ×

Loại hóa đơn	3. Hóa đơn kiểm phiếu nhập	Đơn vị	Công ty
Mã NCC	80000002 Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	Quyển/Số	MNK MNK.09.17/0004
Người nhận		Ngày chứng từ	15/09/2017
Tài khoản có	331112 Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (USD)	Ngoại tệ	USD 22 590.0000
Số hóa đơn	Ngày hóa đơn / /	Trạng thái	Chuyển vào SC
Ký hiệu			
Diễn giải			

Chi tiết | Chi phí | Chi phí chi tiết | Thuế | Khác | Tổng cộng

	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Mã kho	Mã lô	Mã vị trí	Số lượng	Giá USD	Tiền hàng USD
1	10000001	Chai PET 330ml(22gr) PCO1810 trong suốt tròn K...	CHAI	KHO5		VT01	1 000	5.5	5 500
2	10000002	Chai PET 330ml(25gr) PCO1810 trong suốt tròn X...	CHAI	KHO5		VT01	2 000	4.32	8 640

Tổng số lượng
3 000.00
Tổng thanh toán
15 240.00
344 271 600

Sửa
Xóa
Sao chép
Hủy

Giải thích các trường ở Thông tin chung

Tương tự như hóa đơn mua hàng trong nước.

Giải thích các trường ở tab Chi tiết

- **Giá ngoại tệ**
Là đơn giá mua ngoại tệ của hàng hóa.
- **Tiền hàng ngoại tệ**
Tiền hàng ngoại tệ = số lượng * đơn giá ngoại tệ.
- **Giá t.thuế nk/ Tiền t.thuế nk**
Là đơn giá và tiền ngoại tệ dùng để tính thuế nhập khẩu.
- **Chi phí ngoại tệ**
Là chi phí ngoại tệ phát sinh thêm khi mua hàng. Chi phí này là chi phí ngoại tệ phân bổ cho từng mặt hàng dựa vào số tiền chi phí ngoại tệ nhập ở tab *Chi phí*.
- **Mã thuế NK, thuế suất Nk (%)**

Là mã thuế và thuế suất nhập khẩu của mặt hàng nhập khẩu. Mã thuế nhập khẩu được chọn từ Danh mục thuế nhập khẩu.

- **TK thuế nk**

Là tài khoản dùng để hạch toán tiền thuế nhập khẩu. Nếu trong Danh mục thuế nhập khẩu có khai báo trường tài khoản thuế thì khi chọn mã thuế chương trình sẽ tự lấy ra tài khoản thuế ra, cho phép sửa lại.

- **Thuế nk ngoại tệ**

Là tiền thuế nhập khẩu tính bằng ngoại tệ.

- **Mã thuế TTĐB/Th.suất TTĐB**

Là mã thuế và thuế suất tiêu thụ đặc biệt của mặt hàng nhập khẩu. Mã thuế TTĐB được chọn từ Danh mục thuế suất thuế TTĐB.

- **TK thuế TTĐB**

Là tài khoản dùng để hạch toán tiền thuế tiêu thụ đặc biệt. Nếu trong danh mục thuế tiêu thụ đặc biệt có khai báo trường tài khoản thuế thì khi chọn mã thuế chương trình sẽ tự lấy ra tài khoản thuế ra, cho phép sửa lại.

- **Thuế TTĐB ngoại tệ**

Là tiền thuế tiêu thụ đặc biệt tính bằng ngoại tệ.

- **Thuế GTGT ngoại tệ**

Là tiền thuế GTGT tính bằng ngoại tệ.

- **Giá, tiền hàng, giá tính thuế nk, tiền tính thuế nk, thuế nk, chi phí, thuế TTĐB, thuế GTGT**

Là tiền quy đổi về VND của các trường tiền ngoại tệ tương ứng.

- Các trường còn lại tương tự như Hóa đơn mua hàng trong nước.

Giải thích các trường ở tab Chi phí

	Mã chi phí	Tên chi phí	Tiền USD	Tiền	Tiêu thức phân bổ
1	BD	Chi phí bốc dỡ	2 000	50 000 000	1 - Số lượng
2	BH	Chi phí bảo hiểm	1 000	25 000 000	4 - Giá trị

- **Tiền ngoại tệ**

Là tiền chi phí phát sinh bằng ngoại tệ

- Các trường còn lại tương tự như Hóa đơn mua hàng trong nước.

Giải thích các trường ở tab Thuế

	Mã thuế	Thuế suất	Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày hóa đơn	Mẫu hóa...	Mẫu báo cáo	Mã tính chất	Mã ncc	Tên nhà cun
1	10	10	0007		27/08/2017		3. Hóa đơn giá	1. Hàng hoá, dịch	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa C

- **Tiền hàng ngoại tệ**
Là tiền hàng ngoại tệ để tính thuế GTGT.
- **Tiền hàng**
Là tiền hàng VND để tính thuế GTGT
- **Tài khoản thuế**
Là tài khoản hạch toán thuế GTGT.
- **Tài khoản đối ứng**
Là tài khoản đối ứng với tài khoản thuế GTGT.
- **Thuế ngoại tệ**
Là tiền thuế GTGT ngoại tệ.
- **Thuế**
Là tiền thuế GTGT VND.
- Các trường còn lại tương tự như Hóa đơn mua hàng trong nước.

Giải thích các trường ở tab Khác

Tương tự như Hóa đơn mua hàng trong nước.

Giải thích các trường ở tab Tổng cộng

Tab *Tổng cộng* dùng để tính tổng của các trường liên quan đến tiền tương tự như Hóa đơn mua hàng trong nước.

Tiền tính thuế	41 000.00	1 025 000 000
Chi phí	3 000.00	75 000 000
Thuế nhập khẩu	3 100.00	77 500 000
Thuế tiêu thụ đb	4 410.00	110 250 000
Tổng tiền hàng	41 000.00	1 025 000 000
Tổng thuế	0.00	77 275 000

4.3 Hóa đơn mua dịch vụ

Đường dẫn: CN Phải trả/Hóa đơn mua dịch vụ

Dùng để nhập mua dịch vụ, không liên quan đến hàng hóa tồn kho.

Hóa đơn mua dịch vụ
< > i □ ×

Mã khách hàng	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	Đơn vị	Chi nhánh 1	
Người nhận			Quyển/Số	16	
Tài khoản có	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HD SXKD (VND)	Ngày chứng từ	14/10/2017	
Số hóa đơn		Ngày hóa đơn	14/10/2017	Ngoại tệ	VND 1.0000
Ký hiệu			Trạng thái	Chuyển vào SC	
Mã thanh toán					
Diễn giải					

Chi tiết
Thuế

	Tk nợ	Tên tài khoản	Diễn giải	Số lượng	Giá VND	Tiền VND	Mã bộ phận	Mã vụ việc
1	6421	Chi phí nhân viên qu...				1 000 000		

Tổng tiền	1 000 000
Tổng thuế	0
Tổng thanh toán	1 000 000

Sửa
Xóa
Sao chép
Hủy

Giải thích các trường ở Thông tin chung

- **Mã thanh toán**

Là hạn thanh toán của hóa đơn. Nếu trong *Danh mục khách hàng*, nhà cung cấp có khai mã thanh toán thì khi chọn mã khách đó chương trình sẽ tự động mặc định số ngày đã khai báo, cho phép sửa lại.

- Các trường còn lại tương tự như Hóa đơn mua hàng trong nước.

Giải thích các trường trong tab Chi tiết

- **Tài khoản nợ**

Là tài khoản định khoản Nợ.

- **Diễn giải**

Là diễn giải của từng dòng chi tiết.

- **Số lượng/ Giá**

Trường hợp có theo dõi số lượng và giá thì nhập vào 2 trường này, nếu không có thì để trống.

- **Tiền hàng**

Là giá trị của tiền hàng.

Giải thích các trường trong tab Thuế

Tương tự như ở Hóa đơn mua hàng trong nước.

4.4 Hóa đơn nhập mua xuất thẳng

Đường dẫn: CN Phải trả/Hóa đơn nhập mua xuất thẳng

Dùng trong trường hợp mua vật tư, hàng hóa rồi xuất thẳng ra sử dụng (không qua bước nhập kho).

Khi làm trên chứng từ này, chương trình sẽ tự động xuất kho ra với số lượng bằng với số lượng nhập mua. Giá xuất kho được tính bằng 1 trong 2 cách sau: nếu có check đích danh thì giá xuất sẽ bằng với giá nhập, nếu không check đích danh thì cuối tháng khi chạy tính giá chương trình sẽ áp giá xuất kho vào.

Mã NCC	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	Đơn vị	Công ty
Mã khách xuất	80000007	CTy TNHH Đầu Tư & Thương Mại Việt Hùng	Quyển/Số	NMX* NMXT.09.17/0001
Tài khoản có	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	Ngày chứng từ	10/09/2017
Số hóa đơn		Ngày hóa đơn / /	Ngoại tệ	VND 1.0000
Ký hiệu			Trạng thái	Chuyển vào SC
Diễn giải				

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Mã kho	Mã lô	Mã vị trí	Số lượng	Giá VND	Tiền hàng VND	Chi phí VND	Thuế GTGT VND	Tk
1	10000000	Chai PET 325...	CHAI	KHO1	20170502	VT2K2	1 000	5 000	5 000 000	500 000	1561

Tổng số lượng: 1 000.00 Tổng thanh toán: 5 500 000

Sửa Xóa Sao chép Hủy

Giải thích các trường ở Thông tin chung

- **Mã khách xuất**

Là mã khách xuất hàng.

- Các trường còn lại tương tự như Hóa đơn mua hàng trong nước.

Giải thích các trường ở tab Chi tiết

- **Đích danh**

	Tiền hàng VND	Chi phí VND	Thuế GTGT VND	Tk nợ	Đích danh	Lý do xuất	Tk chi phí xuất thẳng	Mã bộ phận	Mã vụ việc
1	5 000 000		500 000	1561	<input checked="" type="checkbox"/>	1551	621		

Nếu có check vào trường này thì giá xuất kho sẽ được tính bằng giá nhập kho, nếu không check thì cuối tháng khi chạy tính giá xuất kho chương trình sẽ áp giá xuất vào.

- **Tài khoản chi phí xuất thẳng**

Là tài khoản để hạch toán phần xuất kho. Tài khoản này sẽ đối ứng với tài khoản vật tư (Nợ TK chi phí xuất thẳng/ Có tài khoản vật tư).

- Các trường còn lại tương tự như Hóa đơn mua hàng trong nước.

Các tab còn lại tương tự như hóa đơn mua hàng trong nước.

4.5 Phiếu nhập chi phí mua hàng

Đường dẫn: CN Phải trả/Phiếu nhập chi phí mua hàng

Trường hợp phát sinh chi phí mua hàng khi mua vật tư, hàng hóa và chi phí này là của một nhà cung cấp khác với nhà cung cấp hàng hóa thì chi phí đó sẽ được nhập liệu ở chứng từ này. Chi phí sẽ được tính vào giá trị nhập kho của vật tư, hàng hóa đã mua trước đó.

Sửa
ⓘ □ ×

Mã NCC	80000002	Cổng Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	Đơn vị	Công ty
Người nhận			Quyển/Số	CPM1 CPM.09.17/0003
Tài khoản có	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	Ngày chứng từ	15/09/2017
Số hóa đơn		Ngày hóa đơn	Ngọai tệ	VND 1.0000
Ký hiệu			Trạng thái	Chuyển vào SC
Diễn giải				

Chi tiết | Chi phí | Chi phí chi tiết | Thuế | Khác

✕ ↶ ↷ 📄 📁 🖨

	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Mã kho	Mã lô	Mã vị trí	Số lượng
1	10000001	Chai PET 330ml(22gr) PCO1810 trong suốt t...	CHAI	KHO5		VT01	1 000
2	10000000	Chai PET 325ml(22.7gr) PCO1881 trong suốt...	CHAI	KHO1	20170502	VT2K2	100

Chi phí	1 200 000
Tổng thuế	0
Tổng thanh toán	1 200 000

✓ Nhận
Hủy

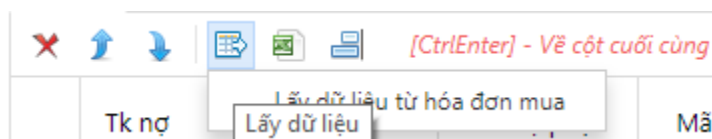
Giải thích các trường ở Thông tin chung

- **Mã NCC**
Là nhà cung cấp liên quan đến chi phí.
- Các trường còn lại tương tự như hóa đơn mua.

Giải thích các trường ở tab Chi tiết

Các trường ở dưới chi tiết sẽ không tự nhập mà được kế thừa dữ liệu từ hóa đơn mua trong nước, hóa đơn mua nhập khẩu hoặc hóa đơn nhập mua xuất thẳng. Thao tác kế thừa dữ liệu như sau:

- ✓ Click vào biểu tượng lấy số liệu trên thanh công cụ:



- ✓ Chọn các điều kiện lọc:

Công nợ phải trả

Lọc hóa đơn mua hàng

Ngày c/từ từ/đến 01/09/2017 15/09/2017

Chứng từ Hóa đơn mua hàng trong nước

Mã NCC 80000003 Công Ty TNHH Nguyệt Phúc

Số hóa đơn 455 MHTN.09.17/0001

Nhận Hủy

- Ngày chứng từ từ/đến: là khoảng thời gian cần lọc các hóa đơn mua hàng.
 - Chứng từ: bao gồm *Hóa đơn mua hàng trong nước*, *Hóa đơn mua hàng nhập khẩu* và *Hóa đơn nhập mua xuất thẳng*. Chi phí mua hàng là của chứng từ nào thì sẽ lựa chọn tương ứng.
 - Mã NCC: là mã nhà cung cấp trên hóa đơn mua hàng.
 - Số hóa đơn: là số chứng từ của hóa đơn mua hàng, có thể chọn nhiều hóa đơn mua.
- ✓ Nhấn **Nhận**, sau đó check Chọn các dòng vật tư nhận phân bổ chi phí, trường hợp phân bổ cho tất cả các vật tư của hóa đơn mua thì nhấn vào Chọn tất cả

Chi tiết chứng từ được chọn

Mã đối tượng 80000003 Công Ty TNHH Nguyệt Phúc

Số hóa đơn 455

Xử lý Xóa hết chi tiết và thêm mới

Chọn tất cả

Chi tiết

[CtrlEnter] - Xuống đầu dòng kế tiếp

	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Chọn	Số lượng	Mã kho	Mã
1	10000003	Chai PET 330ml(27gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	<input checked="" type="checkbox"/>	1 000	KH	AAA
2	10000004	Chai PET 330ml(25gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	<input checked="" type="checkbox"/>	2 000	KH	
3	10000005	Chai PET 330ml(25gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	<input type="checkbox"/>	1 000	KH	2017040

Nhận Hủy

- ✓ Sau khi check chọn các dòng vật tư và nhấn **Nhận** chương trình sẽ gán các dòng vật tư đó xuống tab *Chi tiết*:

Chi tiết									
Chi phí									
Chi phí chi tiết									
Thuế									
Khác									
	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Mã kho	Mã lô	Mã vị trí	Số lượng	Tiền hàng	Tiền tính t nk
1	10000003	Chai PET 330ml(27gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	KH	AAA		1 000	460 000 000	
2	10000004	Chai PET 330ml(25gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	KH			2 000	230 000 000	

✓ Sau khi lấy số liệu ở tab Chi tiết xong thì sẽ sang tab Chi phí để nhập chi phí.

Giải thích các trường ở tab Chi phí

Chi tiết				
Chi phí				
Chi phí chi tiết				
Thuế				
Khác				
	Mã chi phí	Tên chi phí	Tiền VND	Tiêu thức phân bổ
1	BD	Chi phí bốc dỡ	5 000 000	1 - Số lượng
2	BH	Chi phí bảo hiểm	1 000 000	4 - Giá trị

- **Mã chi phí/Tên chi phí**

Mã và tên của chi phí phát sinh, được lấy từ Danh mục chi phí.

- **Tiền**

Tiền chi phí phát sinh.

- **Tiêu thức phân bổ**

Chi phí sẽ được phân bổ cho từng mặt hàng ở tab *Chi tiết* dựa vào tiêu thức phân bổ của chi phí. Tiêu thức phân bổ của từng chi phí được khai báo trong Danh mục chi phí.

Kết quả phân bổ chi phí cho từng mặt hàng sẽ được thể hiện ở tab *Chi phí chi tiết*, trường hợp muốn điều chỉnh lại kết quả phân bổ thì điều chỉnh ở tab này:

Chi tiết				
Chi phí				
Chi phí chi tiết				
Thuế				
Khác				
	Mã chi phí	Mã sản phẩm	Tiền VND	Dòng chi tiết
1	BD	10000003	1 666 667	1
2	BD	10000004	3 333 333	2
3	BH	10000003	666 667	1
4	BH	10000004	333 333	2

Trường hợp nhà cung cấp chi phí có xuất hóa đơn GTGT đi kèm thì khai báo tiền thuế ở tab Thuế. Cách nhập liệu ở tab Thuế cũng tương tự như ở Hóa đơn mua hàng trong nước.

4.6 Phiếu thanh toán tạm ứng

Đường dẫn: CN Phải trả/Phiếu thanh toán tạm ứng

Dùng để nhập nghiệp vụ thanh toán tạm ứng.

Mới
□ ×

Loại phiếu thu	2. Tạm ứng thông thường ▼	Đơn vị	Chi nhánh 2 ▼
Mã khách hàng	NV0001 🔍 Nguyễn Kiều Hương	Quyển/Số	TTU1 🔍 TTU.11.17/0001
Tài khoản có	1411 🔍 Tạm ứng: ngắn hạn	Ngày chứng từ	21/11/2017 📅
Người giao hàng		Ngoại tệ	VND ▼ 1.0000
Diễn giải		Trạng thái	Tạm ứng ▼

Chi tiết

Thuế

📄 ✕ 📄 📄 📄 📄 📄 📄 📄 📄 📄 [Ctrl+Enter] - Về cột cuối cùng

	Tài khoản nợ	Tên tài khoản	Tiền VND	Diễn giải	Mã bộ phận	Mã vụ việc
1	6411	Chi phí nhân viên	10 000 000			

Tổng tiền	10 000 000
Tổng thuế	0
Tổng thanh toán	10 000 000

✓ Nhận
✕ Hủy

Giải thích các trường ở Thông tin chung

- **Loại phiếu thu**

Gồm 2 loại: *tạm ứng thông thường* và *cấn trừ công nợ*. Tạm ứng thông thường có nghĩa là nhân viên nào tạm ứng thì sẽ hạch toán vào nhân viên đó. Cấn trừ công nợ là bù trừ giữa công nợ của nhân viên tạm ứng với một mã khách khác.

- **Mã khách hàng**

Là mã nhân viên tạm ứng.

- **Tài khoản có**

Thông thường là tài khoản 141.

- **Diễn giải**

Là nội dung chứng từ.

- **Số chứng từ**

Có thể nhập tay hoặc tạo quyền để đánh theo nguyên tắc.

- **Trạng thái**

Tương tự như hóa đơn mua hàng.

Giải thích các trường ở tab Chi tiết

- **Tài khoản nợ**

Là tài khoản đối ứng với 141.

- **Mã khách hàng**

Nếu loại phiếu thu là 3- *Cấn trừ công nợ* thì ở chi tiết sẽ có trường Mã khách để nhập. Mã khách này chính là mã khách cấn trừ công nợ với nhân viên.

Giải thích tab Thuế

Dùng để nhập liệu hóa đơn GTGT đầu vào, cách nhập liệu tương tự như tab Thuế ở Hóa đơn mua hàng trong nước.

4.7 Chứng từ phải trả khác, chứng từ bù trừ công nợ

Đường dẫn: CN Phải trả/Chứng từ bù trừ công nợ

Dùng để nhập liệu các nghiệp vụ khác liên quan đến công nợ phải trả hoặc bù trừ công nợ (ví dụ bù trừ giữa các nhà cung cấp với nhau hoặc bù trừ giữa các tài khoản với nhau...).

Mới
□ ×

Diễn giải: Cần trừ công nợ giữa 2 nhà cung cấp

Đơn vị: Công ty

Quyển/Số: PTAK / PTAK.11.17/0001

Ngày chứng từ: 22/11/2017

Ngoại tệ: VND / 1.0000

Trạng thái: Chuyển vào SC

Chi tiết

Thuế

[Ctrl+Enter] - Xuống đầu dòng kế tiếp

	Tài khoản	Tên tài khoản	Mã khách hàng	Ps nợ VND	Ps có VND	Nhóm	Diễn
1	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD ...	80000002	1 000 000	0	0	Cần trừ công nợ giữa 2
2	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD ...	80000003	0	1 000 000	0	Cần trừ công nợ giữa 2

Tổng ps nợ	1 000 000
Tổng ps có	1 000 000

✓ Nhận

✗ Hủy

Giải thích các trường ở Thông tin chung

Tương tự như các chứng từ ở trên.

Giải thích các trường ở Chi tiết

- Tài khoản, phát sinh nợ, phát sinh có**

Nếu là tài khoản Nợ thì nhập số tiền ở cột *phát sinh nợ*, nếu là tài khoản Có thì nhập số tiền ở *phát sinh có*.

- Mã khách**

Công nợ liên quan đến khách hàng/nhà cung cấp nào thì chọn mã của khách hàng/nhà cung cấp đó.

- Nhóm định khoản**

Trường hợp trên một chứng từ có nhiều tài khoản Nợ và nhiều tài khoản Có thì sẽ dùng trường nhóm định khoản để chương trình biết được tài khoản nào đối ứng với nhau, tài khoản nào đối ứng với nhau thì sẽ để trường *nhóm định khoản* giống nhau. Nếu trên một chứng từ chỉ có một tài khoản Nợ, một tài khoản Có hoặc nhiều tài khoản Nợ, một tài khoản Có hoặc nhiều tài khoản Có, một tài khoản Nợ thì không cần nhập trường *nhóm định khoản* này.

Giải thích tab Thuế

Dùng để nhập liệu liên quan đến hóa đơn GTGT đầu vào, cách nhập liệu tương tự như tab Thuế của Hóa đơn mua hàng trong nước, tuy nhiên lưu ý tab Thuế trên chứng từ này sẽ không hạch toán vào sổ cái, nếu muốn hạch toán tài khoản 133 vào sổ cái thì sẽ nhập liệu ở tab Chi tiết.

4.8 Bút toán điều chỉnh giảm công nợ

Đường dẫn: CN Phải trả/Bút toán điều chỉnh giảm công nợ

Trong một số trường hợp cần điều chỉnh giảm công nợ do hạch toán bị nhầm hoặc lý do khác thì sẽ nhập liệu ở chứng từ này.

Mới □ ×

Loại chứng từ: 1. Theo hóa đơn ▼ Đơn vị: Chi nhánh 1 ▼
Diễn giải: _____ Quyển/Số: 1 🔍
Tài khoản có: _____ Ngày chứng từ: 22/11/2017 📅
Ngoại tệ: VND ▼ 1.0000 Trạng thái: Chuyển vào sổ cái ▼

Chi tiết | Tỷ giá | Khác

📄 ✖ 📄 🔄 🔄 📄 📄

	Mã khách hàng	Tên khách hàng	ID hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Tài khoản nợ	Ngoại
1					//		

Tổng tiền: 0
Tổng thuế: 0
Tổng thanh toán: 0

👍 Nhận ✖ Hủy

Cách nhập liệu tương tự như Giấy báo có hoặc Phiếu thu tiền mặt, chỉ khác là tài khoản Có ở phần thông tin chung có thể không phải là tài khoản 111, 112.

4.9 Phiếu nhập điều chỉnh giá hàng mua

Đường dẫn: CN Phải trả/Phiếu nhập điều chỉnh giá hàng mua.

Trường hợp điều chỉnh tăng hoặc giảm giá các mặt hàng đã mua trước đó thì dùng chứng từ này để nhập liệu.

Giải thích tab Thuế

Cách nhập liệu tương tự như tab Thuế ở Hóa đơn mua hàng trong nước.

4.10 Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp

Đường dẫn: CN Phải trả/Phiếu giao hàng.

Dùng để xử lý nghiệp vụ xuất trả lại hàng cho nhà cung cấp.

Mã NCC	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	Đơn vị	Công ty
Người nhận			Quyển/Số	PTEST45
Mã nhập xuất	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	Ngày chứng từ	28/10/2017
Tài khoản nợ	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	Ký hiệu	
Diễn giải	trả lại hàng		Ngoại tệ	VND 1.0000
			Trạng thái	Chuyển vào SC

Chi tiết	Thuế	Khác
----------	------	------

[CtrlEnter] - Xuống đầu dòng kế tiếp

	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Mã kho	Mã lô	Mã vị trí	Số lượng	Giá VND	Tiền VNĐ
1	10000003	Chai PET 330ml(27gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	KH	20170507		511.00	6 612.0	3 37
2	10000022	Chai PET 330ml(16.2gr) cổ 30/25.1 vắn dài t...	CHAI	KH			222.00	15 177.0	3 36

Tổng số lượng	733.00	Tổng tiền	6 748 026
		Tổng thuế	674 803
		Tổng thanh toán	7 422 829

Giải thích các trường ở Thông tin chung

- **Mã nhập xuất, tài khoản nợ**
Thông thường là tài khoản 331.
- **Số, ký hiệu**
Là số hóa đơn và ký hiệu của hóa đơn GTGT.
- Các trường còn lại tương tự như các chứng từ ở phía trên.

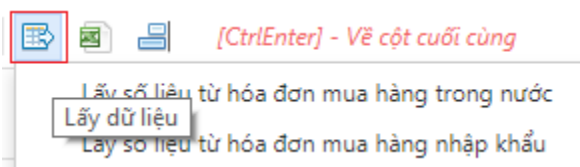
Giải thích các trường ở tab Chi tiết

- **Mã sản phẩm**

Công nợ phải trả

Là mặt hàng trả lại cho nhà cung cấp. Mã hàng có thể tự nhập hoặc kế thừa dữ liệu từ hóa đơn mua đã mua trước đó, thao tác kế thừa dữ liệu như sau:

- ✓ Click vào nút lấy số liệu trên thanh công cụ, chọn lấy số liệu từ hóa đơn mua hàng trong nước hoặc hóa đơn mua hàng nhập khẩu.



- ✓ Gõ khoảng thời gian cần lấy vào điều kiện lọc:

Lọc hóa đơn mua hàng trong nước

Ngày c/từ từ/đến 01/01/2017 25/11/2017

Mã NCC 80000005 TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II

Số hóa đơn

Nhận Hủy

- ✓ Click vào trường *Số hóa đơn* để check chọn số chứng từ cần lấy, sau đó nhấn Nhận:

Chọn chứng từ

Tìm kiếm

	<input type="checkbox"/>	Số c/từ	Ngày c/từ	Mã đối tượng	Tên đối tượng	Ngoại tệ
1	<input checked="" type="checkbox"/>	MHTN.08.17/0...	28/08/2017	80000005	TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II	VND
2	<input type="checkbox"/>	MHTN.09.17/0...	06/09/2017	80000005	TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II	VND
3	<input type="checkbox"/>	MHTN.09.17/0...	10/09/2017	80000005	TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II	VND

Nhận Hủy

- ✓ Tiếp tục nhấn Nhận:

Công nợ phải trả

Lọc hóa đơn mua hàng trong nước

Ngày c/từ từ/đến 01/01/2017 25/11/2017

Mã NCC 80000005 TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II

Số hóa đơn 859 MHTN.11.17/0002

Nhận Hủy

- ✓ Gõ số lượng trả lại vào cột *SL lấy*, trường hợp trả lại toàn bộ số lượng trên hóa đơn thì click vào cột *Chọn*, nhấn Nhận:

Chi tiết chứng từ được chọn

Mã đối tượng 80000005 TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II

Số hóa đơn 419

Xử lý Xóa hết chi tiết và thêm mới

Chọn tất cả

Chi tiết

[CtrlEnter] - Về cột cuối cùng

	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đvt	Chọn	SI lấy	Số lượng	SI cũ
1	10000001	Chai PET 330ml(22gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	<input type="checkbox"/>	10.00	1 000	
2	10000002	Chai PET 330ml(25gr) PCO1810 trong suốt ...	CHAI	<input checked="" type="checkbox"/>	2 000.00	2 000	

Nhận Hủy

- **Số lượng**
Là số lượng trả lại của từng mặt hàng.
- **Giá**
Là giá mua trên hóa đơn, khi lấy số liệu từ hóa đơn mua thì chương trình sẽ tự động lấy giá trên hóa đơn.
- **Tiền**

Tiền = số lượng * giá.

- **Thuế**

Là tiền thuế phân bổ xuống cho từng mặt hàng trong trường hợp có nhập ở tab Thuế.

- **Tài khoản có**

Là tài khoản vật tư.

- **Số hóa đơn, dòng hóa đơn**

Là thông tin của hóa đơn để nhìn vào biết được là trả lại của hóa đơn nào, khi kế thừa từ hóa đơn mua thì chương trình sẽ tự động lấy 2 trường này.

Giải thích các trường ở tab Thuế

Chi tiết	Thuế	Khác
Mẫu báo cáo	3. Hóa đơn giá trị gia tăng ▼	
Mã tính chất	1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riê ▼	
Mã thuế	10	Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%
Tk thuế	133111	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HĐ SXKD
Cục thuế		
Nhóm sản phẩm		
Ghi chú		
Kê thuế đầu ra	<input type="checkbox"/>	

- **Mẫu báo cáo, mã tính chất, cục thuế, ghi chú**

Tương tự như tab Thuế ở các chứng từ khác.

- **Mã thuế**

Là mã thuế suất

- **Tài khoản thuế**

Trường hợp nếu kê thuế đầu vào thì tài khoản thuế là 133, trường hợp kê thuế đầu ra thì tài khoản thuế là tài khoản 333.

- **Nhóm sản phẩm**

Dùng để diễn giải tên các mặt hàng trả lại khi lên bảng kê thuế GTGT đầu vào.

- **Kê thuế đầu ra**

Do hàng trả lại sẽ có 2 trường hợp xảy ra: nhà cung cấp xuất hóa đơn hàng trả lại hoặc công ty xuất hóa đơn hàng trả lại. Trường hợp nhà cung cấp xuất hóa đơn hàng trả lại thì lúc này sẽ kê khai thuế đầu vào (số tiền âm), lúc đó sẽ không check chọn

vào trường *Kế thuế đầu ra*. Trường hợp công ty xuất hóa đơn thì lúc này sẽ kê khai thuế đầu ra, lúc đó sẽ check chọn vào trường *Kế thuế đầu ra*.

4.11 Hóa đơn dịch vụ trả lại nhà cung cấp

Đường dẫn: CN Phải trả/Hóa đơn dịch vụ trả lại nhà cung cấp

Dùng để xử lý nghiệp vụ trả lại hàng dịch vụ (không liên quan đến hàng hóa, vật tư tồn kho) cho nhà cung cấp.

Mã khách hàng	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	Đơn vị	Công ty
Người nhận			Quyển/Số	4
Tài khoản nợ	331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VND)	Ngày chứng từ	25/11/2017
Diễn giải	Trả lại dịch vụ		Ngoại tệ	VND 1.0000
Nhóm hàng hóa			Trạng thái	Chuyển vào SC
Ghi chú				

Chi tiết Thông tin khách hàng

[Ctrl+Enter] - Về cột cuối cùng

	Tk có	Tên tài khoản	Diễn giải	Số lượng	Giá VN
1	6411	Chi phí nhân viên		0.00	

Tổng tiền	50 000 000
Tổng thuế	0
Tổng thanh toán	50 000 000

Giải thích các trường ở Thông tin chung

- Mã khách**
 Trả lại dịch vụ cho nhà cung cấp nào thì chọn mã nhà cung cấp đó.
- Tài khoản nợ**
 Thông thường là tài khoản 331 để giảm số tiền phải trả nhà cung cấp.
- Diễn giải**
 Là nội dung chứng từ.
- Nhóm hàng hóa**
 Dùng để diễn giải tên các mặt hàng trả lại khi lên bảng kê thuế GTGT đầu vào.

- **Số, ngày chứng từ, mã ngoại tệ, trạng thái**

Tương tự như các chứng từ khác.

Giải thích các trường ở tab Chi tiết

- **Tài khoản có**

Là tài khoản đối ứng với tài khoản công nợ ở Thông tin chung.

- **Số lượng, giá**

Trường hợp có theo dõi số lượng dịch vụ thì nhập 2 trường này, nếu không theo dõi số lượng thì để trắng.

- **Tiền**

Là giá trị dịch vụ trả lại.

Giải thích các trường ở tab Thuế

Tương tự như tab Thuế của Phiếu xuất trả lại nhà cung cấp.

4.12 Phân bổ trả tiền hàng cho các hóa đơn

Đường dẫn: CN phải trả/Phân bổ trả tiền hàng cho các hóa đơn.

Phân bổ trả tiền hàng cho các hóa đơn được dùng trong trường hợp có theo dõi công nợ phải trả theo từng hóa đơn và khi trả tiền cho nhà cung cấp chưa trực tiếp cho hóa đơn nào, sau đó thực hiện phân bổ cho hóa đơn để cản trừ trực tiếp cho hóa đơn.

Điều kiện lọc		□	×				
Ngày từ/đến	01/01/2017	📅	31/12/2017	📅	...		
Mã ngoại tệ		🔍					
Mã khách hàng	80000002	🔍	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang				
Tài khoản		🔍					
Loại chứng từ	Chưa phân bổ hết			▼			
Xử lý	Phân bổ tự động theo ngày hóa đơn, số hóa đơn			▼			
				✓	Nhận	✗	Hủy

Giải thích các trường màn hình điều kiện lọc

- **Ngày từ/ đến**

Lọc theo ngày của chứng từ thanh toán

- **Mã ngoại tệ, mã khách, tài khoản**

Trường hợp có lọc các trường này thì chương trình chỉ lấy lên các chứng từ thỏa mãn điều kiện, có thể trắng.

- **Loại chứng từ**

Gồm các tùy chọn: Chưa phân bổ hết, đã phân bổ hết, tất cả. Nếu chọn Chưa phân bổ hết thì chỉ lọc lên các chứng từ thanh toán chưa phân bổ hết cho các hóa đơn. Nếu chọn đã phân bổ hết thì chỉ lọc lên các chứng từ đã thanh toán hết cho các hóa đơn. Nếu chọn tất cả thì sẽ lọc lên tất cả các chứng từ thanh toán.

- Xử lý**

Có 2 tùy chọn:

- ✓ Phân bổ tự động theo ngày hóa đơn, số hóa đơn: chương trình sẽ tự phân bổ các chứng từ thanh toán cho các hóa đơn lần lượt từ trên xuống dưới theo nguyên tắc ngày hóa đơn, số hóa đơn, hóa đơn nào có ngày nhỏ hơn thì phân bổ trước
- ✓ Người dùng tự phân bổ: người dùng tự chọn chứng từ thanh toán nào sẽ phân bổ cho hóa đơn nào.

Danh sách các phiếu chi										
Phân bổ chi tiền cho các hóa đơn...										
Số phiếu chi	Ngày phiếu chi	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Ngoại tệ	Tài khoản	Tiền chi	Đã phân bổ	Trạng thái	Đơn vị	Chứng từ
1	PKT17.08/0001	01/08/2017	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	VND	131111	2 000 000		CTY	PK1
2	PKT17.08/0004	02/08/2017	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	VND	131111	6 000 000		CTY	PK1
3	PKT17.08/0012	08/08/2017	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	VND				CTY	PK1
4	PTUK.08.17/00...	09/08/2017	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	VND				CTY	CN1
5	PKT17.08/0017	28/08/2017	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	VND				CTY	PK1
6	PTAK.08.17/0004	28/08/2017	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	VND				CN2	CN5
7	21	09/10/2017	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang	USD	331112	20		CTY	BC1

Chi tiết hóa đơn										
Phiếu chi số PKT17.08/0001 ngày 01/08/2017 phân bổ: 2 000 000.0000, còn lại: 0.0000										
...	Stt	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Tổng tiền	Đã phân bổ	P/bổ trên pchi	Phân bổ	Còn lại	Tất toán	Chứng từ
1	<input checked="" type="checkbox"/>	1	PT.08.17/0017	24/08/2017	150 000		150 000.0000	150 000	<input type="checkbox"/>	PT1
2	<input checked="" type="checkbox"/>	2	1	26/08/2017	2 200 000		1 850 000.0000	2 200 000	<input type="checkbox"/>	HD7
3	<input type="checkbox"/>	3	2	26/08/2017	66 000		0.0000	66 000	<input type="checkbox"/>	HD4
4	<input type="checkbox"/>	4	MHTN.08.17/0...	29/08/2017	5 000 000		0.0000	5 000 000	<input type="checkbox"/>	HD4
5	<input type="checkbox"/>	5	MHTN.08.17/0...	29/08/2017	1 000 000		0.0000	1 000 000	<input type="checkbox"/>	HD4

Giải thích các trường màn hình phân bổ

- Trường hợp phân bổ tự động**

Màn hình phía trên là Danh sách các chứng từ thanh toán, màn hình phía dưới là danh sách các hóa đơn của cùng mã khách hàng.

Đối với loại này chương trình sẽ check chọn sẵn các hóa đơn ở màn hình bên dưới cho đủ số tiền phân bổ cho chứng từ thanh toán phía trên, người dùng chỉ cần chọn chứng từ thanh toán và nhấn Lưu màn hình bên dưới là xong thao tác.

- Trường hợp người dùng tự phân bổ**

Đúng tại dòng chứng từ thanh toán cần phân bổ ở phía trên sau đó click vào từng hóa đơn bên dưới muốn phân bổ, chỉ cần check chọn hóa đơn chương trình sẽ tự phân bổ số tiền (được phép sửa lại), sau đó nhấn Lưu ở màn hình bên dưới.

Trường hợp đã phân bổ sau đó muốn bỏ phân bổ thì click vào nút Xóa ở màn hình bên dưới.

4.13 Tắt toán hóa đơn

Đường dẫn: CN Phải trả/Tắt toán hóa đơn

Chức năng này nhằm mục đích giải quyết tình trạng treo công nợ theo hóa đơn mà trên thực tế các hóa đơn này không còn phải trả hoặc đã trả thừa với số tiền không đáng kể.

Nếu doanh nghiệp không có nhu cầu theo dõi công nợ và thanh toán công nợ chi tiết theo hoá đơn thì không cần phải thực hiện chức năng này.

Chức năng Tắt toán sẽ lọc ra các Hóa đơn mua hàng còn dư nợ, sau khi tắt toán xong thì chương trình sẽ xử lý giảm công nợ của hóa đơn mua hàng tương ứng, đồng thời xử lý giảm công nợ theo nhà cung cấp.

Tắt toán hóa đơn □ ×

Ngày h.toán từ/đến 01/01/2017 📅 31/12/2017 📅 ...

Được thanh toán đến 25/11/2017 📅

Tài khoản nợ 🔍

Chi tiết Khác

Mã khách hàng 🔍

Nhóm khách hàng 🔍 🔍 🔍

Khu vực 🔍

Tắt toán Chưa tắt toán ▼

Đơn vị 🔍

Mẫu báo cáo Mẫu tiền chuẩn ▼

👍 Nhận 👎 Hủy

Giải thích các trường ở điều kiện lọc

- **Ngày hạch toán từ đến**

Lọc theo ngày hóa đơn.

- **Được thanh toán đến**

Dùng để lọc theo ngày của chứng từ thanh toán, ví dụ Hóa đơn ngày 01/04, chứng từ thanh toán ngày 10/04, trường hợp lọc Được thanh toán đến ngày là 06/04, thì cột Thanh toán sẽ lên bằng 0

- **Các đối tượng khác**

Lọc các đối tượng khác cần lọc: Mã khách, tài khoản...Trường hợp để trống thì sẽ lên tất cả dữ liệu.

- **Tất toán**


Có 2 tùy chọn:


- ✓ Chưa tất toán: lọc các hóa đơn chưa được tất toán, dùng để lọc các hóa đơn còn dư nợ để tất toán.
- ✓ Đã tất toán: để lọc các hóa đơn đã tất toán bằng chức năng này, dùng để bỏ Tất toán cho các hóa đơn.

Tất toán hóa đơn										
Xử lý tất toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017...										
										1-25 trong 101
										1 2 3 4 5
<input type="checkbox"/>	Ngày c/từ	Số c/từ	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	Tài khoản	Tổng tiền	Đã thanh toán	Còn lại	Mã chứng từ
<input checked="" type="checkbox"/>	17/07/2017	4	00000002	test	aaa	131111	10 000	0.0000	10 000	HD6
<input type="checkbox"/>	19/07/2017	11	80000001	Công Ty TNHH United Phosphorus Việt Nam		331111	100 000	60 000.0000	40 000	PK1

Giải thích các trường màn hình xử lý tất toán

Sau khi chọn đầy đủ điều kiện nhấn Nhận chương trình sẽ hiện ra danh sách các hóa đơn còn dư nợ. Lưu ý: các hóa đơn đã trả hết tiền trên Phiếu chi, Ủy nhiệm chi hoặc dùng chức năng phân bổ sẽ không lên ở màn hình này.

Muốn tất toán cho hóa đơn nào, check chọn vào dòng hóa đơn đó sau đó nhấn vào biểu tượng  để Tất toán cho các hóa được chọn.

Trường hợp muốn bỏ tất toán cho hóa đơn (hóa đơn tất toán do trả tiền hoặc phân bổ trả tiền thì không dùng chức năng này), thì lọc theo tùy chọn đã tất toán, sau đó check vào hóa đơn rồi nhấn vào biểu tượng  để bỏ tất toán.

Khi tất toán chương trình sẽ tự động hạch toán: Nợ TK 331/Có 711 hoặc Nợ 811/Có 331. Trong đó tài khoản 711 hoặc 811 được khai ở tham số tùy chọn trong menu Hệ thống (Hệ thống\Khai báo các tham số tùy chọn\tab Kế toán):

11	Tài khoản chi phí tất toán cho các hóa đơn	8113
12	Tài khoản thu nhập tất toán cho các hóa đơn	7113

5. Báo cáo

5.1 Sổ chi tiết công nợ nhà cung cấp

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ nhà cung cấp/Sổ chi tiết công nợ nhà cung cấp

Báo cáo lên số liệu chi tiết công nợ của từng nhà cung cấp theo tài khoản trong thời gian lọc.

Sổ chi tiết công nợ khách hàng □ ×

Ngày từ/đến: 01/09/2017 30/09/2017 ...

Tài khoản: 331 Phải trả cho người bán

Chi tiết: Khác

Mã khách hàng: 80000002 Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang

Đơn vị:

Mẫu báo cáo: Mẫu tiền chuẩn ▼

✓ Nhận
✗ Hủy

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Từ ngày đến ngày**

Lọc từ ngày đến ngày cần xem.

- **Tài khoản**

Tài khoản công nợ, bắt buộc nhập.

- **Mã khách**

Là mã nhà cung cấp cần xem, bắt buộc nhập.

- **Mẫu báo cáo**

Gồm mẫu tiền chuẩn và mẫu ngoại tệ. Mẫu tiền chuẩn sẽ lấy theo tiền hạch toán (VND), Mẫu ngoại tệ sẽ bao gồm tiền ngoại tệ và tiền hạch toán.

Mẫu báo cáo như sau:

- **Mẫu tiền chuẩn:**

Đơn vị	Ngày c/từ	Số c/từ	Tài khoản	Tk đối ứng	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Mã chứng từ
	//		331111		Đầu kỳ		11 510 000	
	//				Tổng phát sinh		2 234 550 000	
	//				Cuối kỳ		2 246 060 000	
CTY	14/09/2017	NMXT.09.17/0...	331111	1561	Mua hàng		17 000 000	HD7
CTY	14/09/2017	NMXT.09.17/0...	331111	133111	Mua hàng		850 000	HD7
CN2	24/09/2017	MHTN.09.17/0...	331111	1561			1 216 700 000	HD4
CTY	25/09/2017	15	331111	6417			1 000 000 000	HD6

- **Mẫu ngoại tệ:**

Đơn vị	Ngày c/từ	Số c/từ	Tài khoản	Tk đối ứng	Mã nt	Tỷ giá	Diễn giải	Ps nợ	Ps nợ nt	Ps có	Ps có nt	Mã chứng từ
	//		331111				Đầu kỳ			11 510 000		
	//						Tổng phát sinh			2 234 550 000	52 900	
	//						Cuối kỳ			2 246 060 000	52 900	
CTY	14/09/2017	NMXT.09.17/0...	331111	1561	VND	1	Mua hàng			17 000 000		HD7
CTY	14/09/2017	NMXT.09.17/0...	331111	133111	VND	1	Mua hàng			850 000		HD7
CN2	24/09/2017	MHTN.09.17/0...	331111	1561	USD	23 000				1 216 700 000	52 900	HD4
CTY	25/09/2017	15	331111	6417	VND	1				1 000 000 000		HD6

5.2 Bảng cân đối phát sinh công nợ

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ nhà cung cấp/Sổ cân đối phát sinh công nợ

Báo cáo hiển thị số liệu tổng hợp công nợ đầu kỳ, phát sinh nợ có và số dư cuối kỳ của từng nhà cung cấp theo tài khoản được lọc.

Bảng cân đối công nợ □ ×

Ngày từ/đến

Tài khoản

Chi tiết

Mã khách hàng

Nhóm khách hàng

Khu vực

Đơn vị

Mẫu báo cáo ▼

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Từ ngày đến ngày**
Lọc từ ngày đến ngày cần xem.
- **Tài khoản**
Tài khoản công nợ, bắt buộc nhập.
- **Mã khách**
Chọn nhà cung cấp cần xem, không bắt buộc nhập.
- **Các đối tượng lọc khác**
Người dùng có thể tùy chọn lọc báo cáo theo nhóm nhà cung cấp
- **Mẫu báo cáo**

Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.

Mẫu báo cáo như sau:

Bảng cân đối công nợ									
Từ ngày 01/09/2017 đến ngày 30/09/2017...									
Tài khoản	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Dư nợ đầu	Dư có đầu	Ps nợ	Ps có	Dư nợ cuối	Dư có cuối	
		Tổng cộng	32 829 963	24 381 992 130	1 015	3 732 550 102		28 081 711 254	
331111			600				600		
331111	00000002	test		21 857 094 820	1 015	100 000 102		21 957 093 907	
331111	80000001	Công Ty TNHH United Phosphorus Việt Nam	9 960 000			570 000 000		560 040 000	
331112	80000001	Công Ty TNHH United Phosphorus Việt Nam	4 518 000				4 518 000		
331111	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang		11 510 000		2 234 550 000		2 246 060 000	
331111	80000003	Công Ty TNHH Nguyệt Phúc		572 200				572 200	
331112	80000003	Công Ty TNHH Nguyệt Phúc		400		828 000 000		828 000 400	
331111	80000004	Công Ty Cấp Nước Nam Định	100 000				100 000		
331112	80000004	Công Ty Cấp Nước Nam Định	200 000				200 000		
331111	80000005	TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II		18 530 310				18 530 310	
331112	80000005	TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II		200 884 900				200 884 900	
331111	80000006	Cơ Sở Nguyễn Văn Ninh	2 000 000				2 000 000		

5.3 Báo cáo số dư công nợ

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ nhà cung cấp/Báo cáo số dư công nợ

Báo cáo dùng để xem nhanh số dư công nợ đầu kỳ hoặc cuối kỳ theo nhà cung cấp và tài khoản công nợ.

Báo cáo số dư công nợ
□ ×

Ngày 31/10/2017 📅

Chi tiết Khác

Loại số dư Đầu kỳ ▼

Tài khoản 🔍

Mã khách hàng 🔍

Nhóm khách hàng 🔍 🔍 🔍

Khu vực 🔍





Đơn vị 🔍

Mẫu báo cáo Mẫu tiền chuẩn ▼

✔ Nhận
✖ Hủy

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Đến ngày**
Số dư tính đến ngày.
- **Đầu kỳ/Cuối kỳ**
Chọn xem số dư công nợ đầu kỳ hoặc cuối kỳ
- **Tài khoản**
Tài khoản công nợ, bắt buộc nhập.
- **Mã khách**
Chọn nhà cung cấp cần xem, không bắt buộc nhập.
- **Các đối tượng lọc khác**
Người dùng có thể tùy chọn lọc báo cáo theo nhóm nhà cung cấp
- **Mẫu báo cáo**
Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.

Báo cáo số dư công nợ				
Tài khoản : 331, Ngày 30/09/2017...				
    				
	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Dư nợ	Dư có
			4 350 600	27 786 061 854
			600	
	00000002	test		21 957 093 907
	80000001	Công Ty TNHH United Phosphorus Việt Nam		555 522 000
	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang		2 246 060 000
	80000003	Công Ty TNHH Nguyệt Phúc		828 572 600
	80000004	Công Ty Cấp Nước Nam Định	300 000	
	80000005	TT Kiểm Nghiệm Thuốc Thú Y TW II		219 415 210
	80000006	Cơ Sở Nguyễn Văn Ninh	2 000 000	
	80000007	CTy TNHH Đầu Tư & Thương Mại Việt Hùng		1 973 839 137
	80000008	Cty TNHH SX TM Long Phú		3 000 000
	80000009	CTy TNHH Đại Hưng Thịnh		2 259 000
	80000029	Nhà Máy Sản Xuất Rượu Bia 27/7	2 050 000	
	CC00005	CC00005		300 000

5.4 Sổ tổng hợp chữ T theo nhà cung cấp

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ nhà cung cấp/Sổ tổng hợp chữ T theo nhà cung cấp

Báo cáo cho biết tổng hợp số phát sinh một tài khoản công nợ của nhà cung cấp theo từng tài khoản đối ứng.

Sổ tổng hợp chữ T của một khách hàng/nhà cung cấp

Tài khoản	331	🔍	Phải trả cho người bán		
Mã khách hàng	80000002	🔍	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang		
Ngày từ/đến	01/09/2017	📅	30/09/2017	📅	...

Chi tiết

Đơn vị	🔍	
Mẫu báo cáo	Mẫu tiền chuẩn	▼

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Từ ngày đến ngày**
Lọc từ ngày đến ngày cần xem.
- **Tài khoản**
Tài khoản công nợ, bắt buộc nhập.
- **Mã khách hàng**
Chọn nhà cung cấp cần xem, bắt buộc nhập.
- **Mẫu báo cáo**
Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.

Sổ tổng hợp chữ T của một khách hàng/nhà cung cấp				
Tài khoản: 331, khách hàng: 80000002, từ ngày 01/09/2017 đến ngày 30/09/2017...				
	Tk đối ứng	Tên tài khoản đối ứng	Ps nợ	Ps có
		Đầu kỳ		11 510 000
		Tổng phát sinh		2 234 550 000
		Cuối kỳ		2 246 060 000
	133111	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch...		850 000
	1561	Giá mua hàng hóa		1 233 700 000
	6417	Chi phí dịch vụ mua ngoài		1 000 000 000

5.5 Sổ đối chiếu công nợ

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ khách hàng/Sổ đối chiếu công nợ

Sổ đối chiếu công nợ dùng để gửi và đối chiếu công nợ với nhà cung cấp định kỳ theo qui định.

Sổ đối chiếu công nợ □ ×

Ngày hạch toán từ/đến: 01/09/2017 📅 30/09/2017 📅 ...

Tài khoản: 331 🔍 Phải trả cho người bán

Chi tiết Khác

Mã khách hàng: 80000002 🔍 Công Ty Cổ Phần XNK Sa Giang

Tính số dư: Có ▼

Đơn vị: 🔍

Mẫu báo cáo: Mẫu tiền chuẩn ▼

✔ Nhận
✖ Hủy

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Từ ngày đến ngày**
Lọc từ ngày đến ngày cần xem.
- **Tài khoản**
Tài khoản công nợ, bắt buộc nhập.
- **Mã khách**

Chọn nhà cung cấp cần xem, bắt buộc nhập.

- **Tính số dư**
Chọn tính số dư sau mỗi nghiệp vụ chi tiết hay không.
- **Mẫu báo cáo**
Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.

Sổ đối chiếu công nợ											
Từ ngày 01/09/2017 đến ngày 30/09/2017...											
Đơn vị	Ngày c/từ	Số c/từ	Tài khoản	Tk đối ứng	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Dư nợ	Dư nợ	Mã chứng từ	
	//				Đầu kỳ		11 510 000				
	//				Tổng phát sinh		2 234 550 000				
	//				Cuối kỳ		2 246 060 000				
CTY	14/09/2017	NMXT.09.17/0...	331111	1561	Mua hàng		17 000 000		28 510 000	HD7	
CTY	14/09/2017	NMXT.09.17/0...	331111	133111	Mua hàng		850 000		29 360 000	HD7	
CN2	24/09/2017	MHTN.09.17/0...	331111	1561			1 216 700 000		1 246 060 000	HD4	
CTY	25/09/2017	15	331111	6417			1 000 000 000		2 246 060 000	HD6	

5.6 Bảng xác nhận công nợ

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ nhà cung cấp/Bảng xác nhận công nợ

Tương tự như Sổ đối chiếu công nợ.

5.7 Báo cáo công nợ nhiều khách hàng

Một số báo cáo công nợ có thể xem hoặc in cho nhiều khách hàng cùng lúc, số liệu hiển thị cho từng khách hàng tương tự mẫu báo cáo cho từng khách hàng.

- **Bảng chi tiết công nợ nhiều nhà cung cấp**
- **Xác nhận công nợ nhiều nhà cung cấp**
- **Bảng đối chiếu công nợ nhiều nhà cung cấp**

5.8 Bảng kê chứng từ theo hợp đồng

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ nhà cung cấp/Bảng kê chứng từ theo hợp đồng

Báo cáo liệt kê các phát sinh liên quan đến nhà cung cấp, tài khoản và hợp đồng. Người dùng có thể tùy chọn lọc theo nhiều đối tượng khác như vụ việc, kế ước, bộ phận...

Bảng kê chứng từ theo đối tượng

Ngày từ/đến 01/10/2017 31/10/2017 ...

Nhóm theo Hợp đồng Chỉ lấy DL có nhập

Chi tiết | Lọc theo đối tượng | Khác

Tài khoản

Ghi nợ/có Tất cả ▼

Tài khoản đối ứng

Mã ngoại tệ

Mã chứng từ

Diễn giải

Đơn vị

Mẫu báo cáo Mẫu tiền chuẩn ▼

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Từ ngày đến ngày**
Lọc từ ngày đến ngày cần xem.
- **Tài khoản**
Tài khoản phát sinh.
- **Ghi nợ/có/tất cả**
Lọc phát sinh nợ/có/cả hai của tài khoản được chọn.
- **Mã khách**
Chọn nhà cung cấp cần xem, bắt buộc nhập.
- **Tài khoản đối ứng**
Lọc tài khoản đối ứng với tài khoản được chọn.
- **Nhóm theo**
Chọn đối tượng nhóm và tính tổng.
- **Chỉ lấy dữ liệu có nhập**
Chỉ lấy các chứng từ có nhập giá trị của đối tượng được chọn.
- **Mẫu báo cáo**
Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.

Bảng kê chứng từ theo hợp đồng
Từ ngày 01/08/2017 đến ngày 30/09/2017...

Mã hợp đồng	Tên hợp đồng	Ngày c/từ	Số c/từ	Mã khách hàng	Tên khách hàng	Diễn giải	Tài khoản	Tk đối ứng	Ps nợ	Ps có	Mã bộ phận	Mã vụ việc
HD001	CC00004-01	13/09/2017	PKT17.09/0005	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Gi...		131111	1111	10 000			
HD001	CC00004-01	13/09/2017	PKT17.09/0005	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Gi...		1111	131111		10 000		
HD001	CC00004-01	13/09/2017	PKT17.09/0005	80000002	Công Ty Cổ Phần XNK Sa Gi...		131111	131111	10 000	10 000		

5.9 Sổ chi tiết theo hợp đồng

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ nhà cung cấp/Sổ chi tiết theo hợp đồng

Báo cáo lên số liệu chi tiết số dư đầu kỳ, phát sinh và số dư cuối kỳ theo từng tài khoản và hợp đồng.

Sổ chi tiết công nợ hợp đồng □ ×

Ngày từ/đến: 01/01/2017 31/10/2017 ...

Tài khoản: 331 Phải trả cho người bán

Chi tiết Khác

Mã hợp đồng: HDB16010001 Hợp đồng cung cấp hàng hóa - công ty XNK Vạn An

Đơn vị: ...

Mẫu báo cáo: Mẫu tiền chuẩn ▼

✓ Nhận
✕ Hủy

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Từ ngày đến ngày**
Lọc từ ngày đến ngày cần xem.
- **Tài khoản**
Tài khoản công nợ, bắt buộc nhập.
- **Hợp đồng**
Bắt buộc nhập.
- **Mẫu báo cáo**
Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.

Số chi tiết hợp đồng									
Hợp đồng : HDB16010001 - Hợp đồng cung cấp hàng hóa - công ty XNK Vạn An, Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017...									
Đơn vị	Ngày c/từ	Số c/từ	Tài khoản	Tk đối ứng	Diễn giải	Ps nợ	Ps có	Mã chứng từ	
	//		331111		Đầu kỳ		300 000 000		
	//				Tổng phát sinh		1 216 700 000		
	//				Cuối kỳ		1 516 700 000		
CN2	24/09/2017	MHTN.09.17/0...	331111	1561			1 216 700 000	HD4	

5.10 Bảng cân đối phát sinh công nợ theo hợp đồng

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ nhà cung cấp/Bảng cân đối phát sinh công nợ theo hợp đồng

Báo cáo liệt kê tổng hợp số dư đầu kỳ, phát sinh và số dư cuối kỳ theo từng tài khoản và hợp đồng.

Bảng cân đối phát sinh hợp đồng □ ×

Ngày từ/đến: 01/01/2017 31/12/2017 ...

Tài khoản: 331 Phải trả cho người bán

Chi tiết

Mã hợp đồng:

Đơn vị:

Mẫu báo cáo: Mẫu tiền chuẩn ▼

✓ Nhận
✗ Hủy

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Từ ngày đến ngày**
Lọc từ ngày đến ngày cần xem.
- **Tài khoản**
Tài khoản công nợ, bắt buộc nhập.
- **Hợp đồng**
Chọn khách hàng cần xem, bắt buộc nhập.
- **Mẫu báo cáo**
Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.

Bảng cân đối phát sinh hợp đồng							
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017...							
Mã hợp đồng	Tên hợp đồng	Nợ đầu kỳ	Có đầu kỳ	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Nợ cuối kỳ	Có cuối kỳ
HDB16010001	Hợp đồng cung cấp hàng hóa - công ty XN...		300 000 000		1 216 700 000		1 516 700 000

5.11 Báo cáo số dư hợp đồng

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ nhà cung cấp/Báo cáo số dư hợp đồng

Báo cáo dùng để xem nhanh số dư công nợ đầu kỳ hoặc cuối kỳ theo hợp đồng và tài khoản công nợ.

Báo cáo số dư hợp đồng □ ×

Ngày 31/12/2017 📅

Chi tiết

Loại số dư	Đầu kỳ	▼			
Tài khoản	331	🔍	Phải trả cho người bán		
Mã hợp đồng		🔍			
Nhóm hợp đồng		🔍	🔍	🔍	
Đơn vị		🔍			
Mẫu báo cáo	Mẫu tiền chuẩn	▼			

✔ Nhận
✖ Hủy

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Đến ngày**
Số dư tính đến ngày.
- **Đầu kỳ/Cuối kỳ**
Chọn xem số dư công nợ đầu kỳ hoặc cuối kỳ
- **Tài khoản**
Tài khoản công nợ, bắt buộc nhập.
- **Hợp đồng**
Chọn hợp đồng cần xem, không bắt buộc nhập.
- **Nhóm hợp đồng**
Chọn lọc xem hợp đồng theo nhóm.

- **Mẫu báo cáo**
Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.

5.12 Báo cáo công nợ theo hóa đơn

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ hóa đơn mua/ Báo cáo công nợ theo hóa đơn

Báo cáo thể hiện tình hình công nợ chi tiết theo từng hóa, bao gồm: Tổng tiền, Đã thanh toán và Còn lại.

Báo cáo lên 2 luồng thông tin: Số dư công hóa đơn có chia theo hạn thanh toán và Công nợ hóa đơn sắp đến hạn thanh toán.

Báo cáo công nợ theo hóa đơn

Ngày báo cáo: 31/10/2017

Ngày tính hạn tt: 31/10/2017

Ngày hóa đơn từ/đến: // //

Tài khoản: 331 Phải trả cho người bán

Chi tiết Khác

Mã khách hàng

Nhóm khách hàng

Khu vực

Chi tiết: Theo hóa đơn

Số dư: Chỉ có hóa đơn số dư lớn hơn 0

Số ngày hạn tt: 30

Số ngày cảnh báo: 0

Đơn vị

Mẫu báo cáo: Mẫu tiền chuẩn

Nhận Hủy

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Ngày báo cáo**
Người dùng tự gõ, là ngày dùng để xét hạn thanh toán, ngày này so với hạn thanh toán của hóa đơn để xét trong hoặc quá hạn, và xét số ngày quá hạn thanh toán.
- **Được thanh toán đến ngày**
Dùng để lọc theo ngày của chúng từ trả tiền, ví dụ Hóa đơn ngày 01/04, Phiếu chi ngày 10/04, trường hợp lọc Được thanh toán đến ngày là 06/04, thì cột Thanh toán sẽ lên bằng 0

- **Các đối tượng khác**

Lọc các đối tượng khác cần xem: Ngày từ/Ngày đến hóa đơn, Mã khách hàng, Các nhóm khách hàng. Trường hợp để trắng thì sẽ lên tất cả dữ liệu.

- **Chi tiết**

Có 2 tùy chọn:

- ✓ Theo hóa đơn: thể hiện chi tiết theo từng hóa đơn, mỗi hóa đơn 1 dòng.
- ✓ Theo khách hàng: nhóm các hóa đơn lại theo từng khách hàng.

- **Số dư**

Có 2 tùy chọn:

- ✓ Tất cả: Lên tất cả hóa đơn theo điều kiện lọc.
- ✓ Chỉ có hóa đơn số dư lớn hơn 0: chỉ thể hiện các hóa đơn có Số dư > 0 theo điều kiện lọc.

- **Số ngày hạn thanh toán**

Dùng để chia các mốc quá hạn công nợ theo từng nhóm là bội số của ngày gõ vào, dựa vào ngày xem báo cáo trừ cho ngày đến hạn của hóa đơn, nếu quá hạn thanh toán bao nhiêu ngày sẽ sắp số tiền vào cột tương ứng.

- **Số ngày cảnh báo**

Tùy chọn này được dùng (nếu nhập > 0) để xem dữ liệu báo cáo công nợ hóa đơn sắp đến hạn thanh toán, báo cáo sẽ lên các hóa đơn đã quá hạn và các hóa đơn trong hạn có hạn thanh toán nằm trong khoảng Ngày báo cáo + Số ngày cảnh báo gõ vào.

- **Mẫu báo cáo**

Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.

Tổng công ty XXX CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ ARITO Tầng L10, Tòa nhà Vietcombank Tower, 05 Công Trường Mê Linh, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM MST: 123456789												
BÁO CÁO CÔNG NỢ THEO HÓA ĐƠN Ngày báo cáo 31/10/2017												
NGÀY C/TỬ	SỐ C/TỬ	MÃ KHÁCH HÀNG	TỔNG TIỀN HD	ĐÃ THU	PHẢI THU	TRONG HẠN	QUÁ HẠN 1 - 31 NGÀY	QUÁ HẠN 31 - 61 NGÀY	QUÁ HẠN 61 - 91 NGÀY	QUÁ HẠN 91 - 121 NGÀY	QUÁ HẠN TRÊN 151 NGÀY	NGÀY ĐẾN HẠN
			12,121,133		12,121,133	6,580,000	249,199	5,291,934				
16/08/2017	3	80000001	4,518,000		4,518,000			4,518,000				05/09/2017
15/09/2017	PTEST24	00000002	773,934		773,934			773,934				15/09/2017
14/10/2017	GBN 17.10/001	80000007	249,199		249,199		249,199					24/10/2017
20/10/2017	PTEST65	80000006	6,580,000		6,580,000	6,580,000						17/02/2018
KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên)						Ngày.....tháng.....năm..... NGƯỜI LẬP (Ký, họ tên)						

5.13 Bảng kê chi tiết trả tiền theo hóa đơn

Đường dẫn: Báo cáo/Công nợ hóa đơn mua/Bảng kê chi tiết thu tiền theo hóa đơn

Báo cáo thể hiện tình hình trả tiền chi tiết theo từng hóa, bao gồm: Tổng tiền, Đã thanh toán và Còn lại và nếu đã thanh toán thì thanh toán cụ thể bởi chứng từ nào.

Bảng kê chi tiết thu tiền theo hóa đơn

Ngày h.toán từ/đến 01/01/2017 30/11/2017 ...

Được thanh toán đến 30/11/2017

Tài khoản 331 Phải trả cho người bán

Chi tiết Khác

Mã khách hàng

Nhóm khách hàng

Khu vực

Số dư Tất cả

Chi tiết thu tiền Không

Đơn vị

Mẫu báo cáo Mẫu tiền chuẩn

Nhận Hủy

Giải thích các trường trên màn hình lọc

- **Từ ngày đến ngày**

Lọc từ ngày đến ngày hạch toán cần xem.

- **Được thanh toán đến ngày**

Dùng để lọc theo ngày của chứng từ thanh toán, ví dụ Hóa đơn ngày 01/04, Phiếu chi ngày 10/04, trường hợp lọc Được thanh toán đến ngày là 06/04, thì cột Thanh toán sẽ lên bằng 0

- **Các đối tượng khác**

Lọc các đối tượng khác cần xem: Mã khách hàng, Các nhóm khách hàng... Trường hợp để trống thì sẽ lên tất cả dữ liệu.

- **Số dư**

Có 2 tùy chọn:

- ✓ Tất cả: Lên tất cả hóa đơn theo điều kiện lọc.
- ✓ Chỉ có hóa đơn số dư lớn hơn 0: chỉ thể hiện các hóa đơn có Số dư > 0 theo điều kiện lọc.

- **Chi tiết thu tiền**

Có 2 tùy chọn:

- ✓ Không: Không thể hiện các phiếu thanh toán, mỗi hóa đơn thể hiện 1 dòng.
- ✓ Có: Có thể hiện chi tiết các phiếu thanh toán, các Phiếu thanh toán tương ứng của hóa đơn nào sẽ nằm bên dưới của hóa đơn đó.

- **Mẫu báo cáo**

Chọn Mẫu chuẩn hoặc Mẫu ngoại tệ.